

Số: 01/BC-BTP

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết công tác tư pháp năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2020

Năm 2019, tình hình quốc tế có nhiều phức tạp, kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại, cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng, căng thẳng địa chính trị ở nhiều nơi có những diễn biến bất ổn, khó lường; tình hình kinh tế - xã hội trong nước còn nhiều khó khăn, thách thức, tiềm lực và năng lực cạnh tranh chưa cao, thách thức an ninh phi truyền thống từ biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh gia tăng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, tốc độ tăng GDP đạt 7,02%; các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, văn hóa, xã hội, môi trường, cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí đạt nhiều kết quả tích cực, đời sống người dân không ngừng được cải thiện.

Trong bối cảnh đó, toàn ngành Tư pháp đã tập trung tổ chức thực hiện đầy đủ tất cả các chức năng, nhiệm vụ được giao, nhất là 08 nhóm nhiệm vụ trọng tâm được thảo luận và thống nhất tại Hội nghị triển khai công tác năm 2019 và sau đó được thể hiện tại Báo cáo số 13/BC-BTP ngày 15/01/2019 của Bộ Tư pháp¹, các nhiệm vụ theo Chương trình hành động của Ngành Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Bên cạnh đó, các cơ quan tư pháp ở Trung ương và địa phương đã chủ trì, tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ, cấp ủy, chính quyền địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ được giao bổ sung trong năm 2019 về tổng kết, đánh giá việc thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị của Đảng; sơ kết thi hành Hiến pháp năm 2013...

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo từ các Bộ, ngành và địa phương, Báo cáo này tập trung đánh giá kết quả thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, làm rõ những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, để từ đó xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cho công tác tư pháp năm 2020.

¹ Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2019.

Phần thứ nhất:
TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2019

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả

Ngay từ đầu năm, Bộ, ngành Tư pháp đã bám sát phương châm của Chính phủ là **“Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả”** trong công tác chỉ đạo, điều hành; bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các địa phương; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc triển khai công tác tư pháp năm 2019 để đạt một số kết quả nổi bật sau đây:

- Bộ Tư pháp, các Tổ chức pháp chế và các Sở Tư pháp đã chủ động, kịp thời ban hành/tham mưu ban hành các chương trình, kế hoạch công tác để cụ thể hóa các nhiệm vụ triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các nhiệm vụ đột xuất, được giao thêm, như: Chương trình, kế hoạch hành động của Bộ Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2019 của Chính phủ; các kế hoạch tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; tổng kết Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013; đánh giá 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 09/12/2009 của Ban Bí thư về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

- Trên cơ sở các chương trình, kế hoạch công tác và các nhiệm vụ được giao thêm, toàn Ngành đã chỉ đạo tập trung triển khai thực hiện; thường xuyên rà soát, theo dõi, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ. Riêng tại Bộ Tư pháp, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, Bộ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện **151** nhiệm vụ, đã hoàn thành **127** nhiệm vụ, đang tiếp tục thực hiện **24** nhiệm vụ, không có nhiệm vụ quá hạn.

- Công tác trao đổi, chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ giữa Bộ Tư pháp với các Bộ, ngành, địa phương được chỉ đạo thực hiện thống nhất, kịp thời, bảo đảm sự thông suốt, gắn kết trong chỉ đạo, điều hành công tác tư pháp, pháp chế các cấp. Bộ đã tiếp nhận, trả lời gần **800** kiến nghị, đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ của các Bộ, ngành, địa phương (*trong đó, có 502 kiến nghị gửi trực tiếp đến các đơn vị thuộc Bộ, 107 kiến nghị được gửi qua các báo cáo sơ kết 6 tháng, 185 kiến nghị được gửi qua các báo cáo tổng kết*); **124** kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 6, 7 Quốc hội khóa XIV; **20** phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi qua Hệ thống theo dõi của Văn phòng Chính phủ.

- Việc phối hợp công tác giữa Bộ, ngành Tư pháp với các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục được tăng cường. Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị công tác pháp chế với các Bộ, ngành; tổ chức làm việc với các Bộ, ngành, cấp uỷ, chính quyền nhiều địa phương² về công tác tư pháp, thi hành án dân sự (THADS) để thúc đẩy và tháo gỡ khó khăn cho công tác tư pháp ở cả Trung ương và địa phương. Ở địa phương, các Sở Tư pháp, Cục THADS chú trọng phối hợp với các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là đối với những nhiệm vụ, vụ việc phức tạp, kéo dài, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực.

- Công tác cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực. Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của Bộ Tư pháp tiếp tục tăng 01 bậc, xếp thứ **3/18** Bộ, ngành được đánh giá. Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân³ trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, lý lịch tư pháp (ở cấp tỉnh) và trong lĩnh vực tư pháp (ở cấp xã) đạt mức cao (đạt 83,08% ở cấp tỉnh và 84,04% ở cấp xã). Một số địa phương tích cực nghiên cứu, thử nghiệm các sáng kiến cải cách liên quan đến công tác tư pháp (*như: UBND thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Hải Dương chỉ đạo ban hành Quy chế phối hợp liên thông các thủ tục: Cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh*).

- Bộ, ngành Tư pháp tiếp tục chỉ đạo thực hiện chủ trương lồng ghép việc tổ chức các hoạt động, sự kiện, cắt giảm các hội nghị, cuộc họp không cần thiết; tăng cường tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tập huấn trực tuyến để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức. Tại Bộ Tư pháp, đã rà soát tổng thể và ban hành Kế hoạch chung, thống nhất tổ chức Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn và các đoàn thanh tra, kiểm tra, khảo sát của Bộ Tư pháp năm 2019 (Quyết định số 718/QĐ-BTP ngày 29/3/2019); ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 của Bộ Tư pháp (Quyết định số 653/QĐ-BTP ngày 22/3/2019).

2. Tồn tại, hạn chế

Sự quyết liệt, bám sát các nhiệm vụ để thúc đẩy, tháo gỡ vướng mắc chưa đều khắp. Trong một số trường hợp, nội dung hướng dẫn, trả lời các kiến nghị của các đơn vị thuộc Bộ còn chậm, chung chung, chưa giúp tháo gỡ được vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn. Mặc dù đã có chuyển biến tốt, nhưng vẫn còn tình trạng tổ chức các hoạt động tập trung nhiều ở một số địa phương hoặc dồn vào những thời điểm nhất định.

II. CÔNG TÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

1.1. Kết quả

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

² Như: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Lai Châu, Yên Bái, Kiên Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang.

³ Do Bộ Nội vụ phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam thực hiện.

- Để có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất định hướng, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và trong thời gian tới, Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung tổng kết, đánh giá và tham mưu cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ xây dựng Báo cáo gửi Đảng đoàn Quốc hội về tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; tổ chức sơ kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Hiến pháp năm 2013; chuẩn bị Báo cáo đề Chính phủ trình Quốc hội Khóa XIV tại Kỳ họp thứ 8.

- Thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, các Bộ, ngành đã tích cực hoàn thiện, tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua **18** dự án luật⁴ và nhiều nghị quyết; cho ý kiến đối với **10** dự án luật khác (riêng Bộ Tư pháp đã giúp Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019; cho ý kiến đối với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp).

Chất lượng hồ sơ các dự án luật, nghị quyết tiếp tục được cải thiện; các dự án do Chính phủ trình được Quốc hội thông qua với tỷ lệ cao. Nội dung của các luật, nghị quyết đã kịp thời thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng, bám sát công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là liên quan đến môi trường đầu tư kinh doanh, tổ chức bộ máy nhà nước, quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu về nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

- Các Bộ, ngành đã xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền **862** văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), giảm 127 văn bản so với năm 2018; các địa phương ban hành **3.556** văn bản cấp tỉnh (*tăng 6,3%*), **1.074** văn bản cấp huyện (*giảm gần 34%*) và **3.524** văn bản cấp xã (*giảm 57%*). Như vậy, số lượng VBQPPL được ban hành tiếp tục giảm mạnh so với những năm trước, nhất là ở cấp huyện và cấp xã, phù hợp với quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015. Chất lượng VBQPPL do các cơ quan ở Trung ương và địa phương ban hành được bảo đảm hơn.

- Với sự chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc xây dựng, ban hành và trình ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh được các Bộ, cơ quan ngang Bộ chú trọng. Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ, Tổ công tác của

⁴ **Kỳ họp thứ 7**, Quốc hội khóa XIV thông qua: Luật Quản lý thuế (sửa đổi); Luật Đầu tư công (sửa đổi); Luật Kiến trúc; Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi); Luật Giáo dục (sửa đổi); Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi); Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia.

Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV thông qua: Bộ luật Lao động (sửa đổi); Luật Chứng khoán (sửa đổi); Luật Dân quân tự vệ (sửa đổi); Luật Lực lượng dự bị động viên; Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; Luật Thư viện; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Thủ tướng Chính phủ trong việc theo dõi, đôn đốc, đánh giá nhiệm vụ này. Năm 2019, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành được **49** văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, pháp lệnh.

b) Công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

- Là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Ngành, công tác thẩm định VBQPPL tiếp tục được chú trọng nâng cao chất lượng, bảo đảm tiến độ. Bộ Tư pháp đã thẩm định **31** đề nghị, các Sở Tư pháp thẩm định **354** đề nghị xây dựng VBQPPL. Toàn Ngành đã thẩm định **6.626** dự thảo VBQPPL (*giảm 6,5%*), trong đó Bộ Tư pháp đã thẩm định **272** dự thảo; Tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ thẩm định **744** dự thảo; các Sở Tư pháp thẩm định **4.573** dự thảo và **1.037** dự thảo do các Phòng Tư pháp thẩm định.

- Công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, ngày càng bám sát và kịp thời hơn với công tác ban hành VBQPPL; đảm bảo sự chủ động của các cơ quan trong phản ứng chính sách pháp luật, phát hiện và đôn đốc xử lý kịp thời các văn bản trái pháp luật, nhất là các vấn đề pháp lý liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp; ngăn ngừa hậu quả, tác hại do văn bản trái pháp luật gây ra đối với xã hội. Nhiều Bộ, ngành, địa phương đã chú trọng công tác tự kiểm tra và kiểm tra theo thẩm quyền, tích cực thực hiện kiểm tra văn bản theo lĩnh vực, địa bàn và các nguồn thông tin⁵.

Theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, so với năm 2018, số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền tại cấp tỉnh, cấp huyện giảm mạnh, phù hợp với thực tế giảm số VBQPPL đã được ban hành ở cấp huyện và cấp xã, cụ thể: Toàn Ngành đã kiểm tra theo thẩm quyền **14.555** VBQPPL (*giảm hơn 20%*); qua kiểm tra, bước đầu phát hiện **339** văn bản có dấu hiệu trái nội dung, thẩm quyền (chiếm tỉ lệ 2,33% trên tổng số văn bản được kiểm tra). Riêng tại Bộ Tư pháp, đã kiểm tra theo thẩm quyền **4.885** VBQPPL (*giảm 11%*); qua kiểm tra đã phát hiện, kết luận kiểm tra, kiến nghị xử lý đối với **165** văn bản trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền ban hành và văn bản không phải VBQPPL nhưng có chứa QPPL (gồm 13 văn bản của cấp bộ, 152 văn bản của địa phương), đến nay có **69/165** văn bản đã được cơ quan ban hành xử lý.

- Toàn Ngành đã tập trung rà soát được **40.304** VBQPPL (giảm gần 11% so với năm 2018), qua đó kiến nghị xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) đối với **7.692** văn bản; nhiều Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức rà soát được số lượng văn bản lớn (*như: Bộ Quốc phòng – 1.812 văn bản, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – 504 văn bản, Bộ Tài nguyên và Môi trường - 429 văn bản, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - 350 văn bản; thành phố Hồ Chí*

⁵ Như: **Bộ Tư pháp** tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra VBQPPL tại 10 địa phương (Cao Bằng, Bắc Kạn, Vĩnh Phúc, Nam Định, Thái Bình, Phú Thọ, Bến Tre, Trà Vinh, Long An, Bạc Liêu); **Bộ Nội vụ** có Công văn số 5110/BNV-PC ngày 22/10/2019 gửi các Bộ, ngành về kiểm tra VBQPPL lĩnh vực nội vụ; **Bộ Thông tin và Truyền thông** kiểm tra 71 văn bản do các Bộ, ngành, địa phương ban hành có liên quan lĩnh vực quản lý của Bộ; thành phố **Hà Nội** tổ chức Đoàn liên ngành kiểm tra tại 06 quận, huyện, thị xã với 118 văn bản.

Minh – 4.154 văn bản, Nghệ An – 2.943 văn bản, Bình Định – 1.498 văn bản, Tây Ninh – 1.359 văn bản, Thừa Thiên Huế - 1.357 văn bản). Các Bộ, ngành, địa phương đã hoàn thành việc hệ thống hóa và công bố kết quả hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2 (2014-2018); lần đầu tiên xác định và công bố đầy đủ số liệu các VBQPPL đang có hiệu lực trên cả nước⁶.

Trong công tác pháp điển, Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ phê duyệt kết quả pháp điển hệ thống QPPL đối với các chủ đề: Tôn giáo, tín ngưỡng; Xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật và 24 đề mục (Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 23/7/2019); trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định mới (Quyết định 891/QĐ-TTg ngày 17/7/2019) thay thế Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 06/6/2014 về phê duyệt Danh mục các đề mục trong mỗi chủ đề và phân công cơ quan thực hiện pháp điển theo các đề mục nhằm phù hợp với thực tiễn thực hiện công tác pháp điển. Thông qua công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL, pháp điển hệ thống QPPL đã kiến nghị xử lý hàng nghìn văn bản⁷, góp phần “làm sạch”, công khai, minh bạch hoá hệ thống pháp luật, tạo điều kiện cho việc tiếp cận, sử dụng pháp luật của cơ quan, tổ chức, công dân và công tác quản lý của cơ quan nhà nước.

Bên cạnh đó, để tăng cường trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2019 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Tổ Công tác của Thủ tướng đã kiểm tra các Bộ, ngành trong việc kiểm tra, rà soát, xử lý VBQPPL, qua đó các cơ quan đã có nhận thức tốt hơn để tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

1.2. Khó khăn, hạn chế

- Chất lượng từng VBQPPL và của cả hệ thống pháp luật chưa có nhiều chuyển biến tích cực và tiếp tục nhận được nhiều ý kiến, phản ánh chưa hài lòng của người dân, doanh nghiệp và cả cán bộ nhà nước.

- Việc Bộ, ngành gửi hồ sơ các dự án luật đến Chính phủ, Quốc hội còn chậm so với yêu cầu; chưa khắc phục triệt để tình trạng xin lùi, rút hoặc bổ sung dự án vào Chương trình⁸; tình trạng “nợ đọng” văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, pháp lệnh tại các Bộ, ngành đã kéo dài nhiều năm nhưng chưa được khắc phục hiệu quả (*đến nay còn “nợ” 10 văn bản*).

- Một số Bộ, ngành, địa phương chưa quan tâm thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trách nhiệm trong công tác tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền. Việc phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý một số văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp chưa kịp thời, thậm chí đã phát hiện nhưng quá trình xử lý kéo dài. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, cá nhân liên quan đến việc ban hành văn bản trái pháp luật còn gặp khó

⁶ Tính đến tháng 3/2019, có 8.802 văn bản của các cơ quan Trung ương; 52.860 văn bản của địa phương đang còn hiệu lực (28.290 văn bản cấp tỉnh, 12.844 văn bản cấp huyện và 11.726 văn bản cấp xã).

⁷ Như: Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành Nghị định số 12/2019/NĐ-CP về bãi bỏ toàn bộ 09 Nghị định của Chính phủ, bãi bỏ một phần 01 Nghị định của Chính phủ; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 05/2019/QĐ-TTg bãi bỏ toàn bộ 39 Quyết định và bãi bỏ một phần 01 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

⁸ Chính phủ đề nghị điều chỉnh Chương trình năm 2019 đối với 13 dự án.

khẩn, chưa được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Hiệu quả khai thác, sử dụng Bộ pháp điển chưa cao.

2. Công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính

2.1. Kết quả

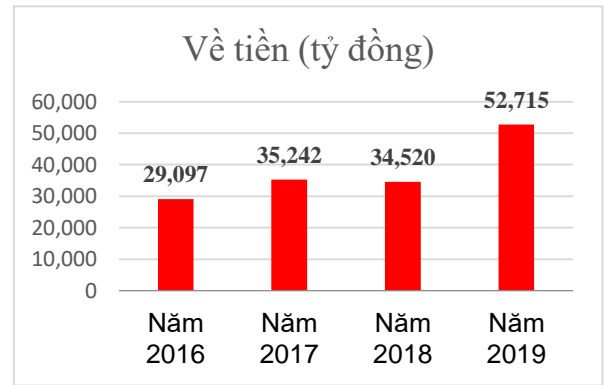
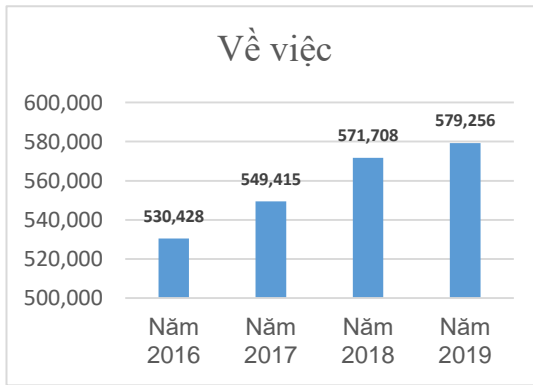
Thế chế cho công tác THADS, theo dõi thi hành án hành chính được chú trọng hoàn thiện. Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019 về tăng cường công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính; đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS; ban hành theo thẩm quyền 02 Thông tư hướng dẫn thi hành Luật THADS⁹. Bộ Tư pháp và các địa phương tiếp tục tập trung giải quyết các vụ việc thi hành án trọng điểm, vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp và các vụ việc thi hành án liên quan đến tín dụng ngân hàng, thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế.

- Kết quả THADS năm 2019 (từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/9/2019) cho thấy số lượng việc và nhất là số tiền đã thi hành xong tăng cao so với năm 2018 và tăng rất cao so với đầu nhiệm kỳ (*xem biểu đồ số 01*). Cụ thể như sau:

+ *Về việc*: Tổng số thụ lý là **972.376** việc (tăng 4,99% so với năm 2018), trong đó số có điều kiện thi hành là **737.061** việc. Trong số có điều kiện thi hành, đã thi hành xong **579.256** việc (tăng 1,42% so với năm 2018), đạt tỉ lệ **78,59%**. Một số địa phương đạt kết quả cao về việc là: Cao Bằng (98,03%), Bắc Kạn (97,25%), Hòa Bình (92,24%), Nam Định (85,51%), Vĩnh Phúc (85,88%), Quảng Bình (84,85%), Đồng Tháp (82,76%), Đắk Lắk (82,07%).

+ *Về tiền*: Tổng số thụ lý là **273.748** tỷ 831 triệu 536 nghìn đồng (tăng tới 39,81% so với năm 2018), trong đó số có điều kiện thi hành là **148.791** tỷ 404 triệu 648 nghìn đồng. Trong số có điều kiện thi hành đã thi hành xong **52.715** tỷ 652 triệu 061 nghìn đồng (tăng đến 52,77% so với năm 2018), đạt tỷ lệ **35,43%**. Một số địa phương đạt kết quả cao về tiền là: Cao Bằng (86,6%), Lào Cai (72,82%), Đồng Nai (69,44%), Hà Nam (62,87%), Tiền Giang (51,84%), Vĩnh Long (50,88%).

⁹ Thông tư số 18/2018/TT-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 02/2017/TT-BTP ngày 23/3/2017 hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức THADS; Thông tư số 06/2019/TT-BTP ngày 12/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chế độ thống kê.



Biểu đồ số 01: Kết quả thi hành án dân sự từ 2016-2019

- Công tác theo dõi thi hành án hành chính được chú trọng. Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội nghị trực tuyến với 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương¹⁰ về việc chấp hành pháp luật tổ tụng hành chính và thi hành án hành chính nhằm đánh giá thực trạng, nguyên nhân tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong thời gian tới. Năm 2019, Tòa án nhân dân đã chuyển giao cho cơ quan THADS 2.778 bản án để theo dõi (trong đó có 413 bản án có nội dung theo dõi và 2.365 bản án không có nội dung theo dõi). Cơ quan THADS đã thực hiện theo dõi **637** việc (năm trước chuyển sang 224 việc; 413 việc phát sinh trong năm 2019). Đã thi hành xong 298 việc (tăng 159 việc so với năm 2018), đang tiếp tục thi hành 339 việc.

- Bộ Tư pháp và Hệ thống THADS tiếp tục thực hiện rà soát, bổ sung, phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo các cơ quan THADS; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền các địa phương trong quy hoạch, kiện toàn đội ngũ công chức lãnh đạo các cơ quan THADS.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong Hệ thống THADS được quan tâm. Toàn Hệ thống đã tiếp nhận 8.857 đơn (6.915 đơn khiếu nại, và 1.942 đơn tố cáo) tương ứng với 6.122 việc. Qua phân loại, có 3.205 việc thuộc thẩm quyền. Kết quả: Đã giải quyết xong 3.087 việc (2.694 việc khiếu nại và 393 việc tố cáo), đạt tỷ lệ 96,32%, số việc còn lại đang tiếp tục được xem xét, giải quyết. Hệ thống THADS đã rà soát, xác định 33 việc vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài (trong đó 32 vụ việc từ năm 2018 chuyển sang). Kết quả: Đã giải quyết xong 06 việc, đang tiếp tục giải quyết 27 việc.

2.2. Khó khăn, hạn chế

- Số lượng việc và nhất là số tiền thụ lý thi hành án tăng cao so với năm 2018. Tỷ lệ THADS về tiền còn thấp so với số việc có điều kiện thi hành. Một số địa phương có kết quả thi hành án đạt thấp, đặc biệt là về tiền¹¹. Kết quả tổ chức thi hành xong các vụ việc liên quan đến tội phạm tham nhũng, kinh tế còn thấp, chưa đạt kết quả mong muốn.

¹⁰ UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Kiên Giang, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Bình Định, Bình Dương, Bạc Liêu, Đắk Lắk, Hải Phòng, Hải Dương, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Lào Cai, Lâm Đồng.

¹¹ Như: Phú Yên, Cà Mau, Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn La, Yên Bái, Thái Nguyên.

- Vẫn còn khá nhiều vụ việc bán đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản cho người trúng đấu giá nên chưa thể xử lý dứt điểm được vụ việc thi hành án (năm 2019, toàn quốc còn 642 vụ việc đấu giá thành với số tiền trên 3.300 tỷ đồng nhưng chưa giao được tài sản cho người trúng đấu giá). Đây đang là vấn đề lớn tiềm ẩn nhiều rủi ro, khiếu kiện phức tạp.

- Tình trạng sai sót, vi phạm của Chấp hành viên, công chức thi hành án trong thực hiện trình tự, thủ tục thi hành án vẫn còn, đặc biệt trong việc xác minh điều kiện thi hành án; xử lý tài sản, vật chứng; thu, quản lý và xử lý tiền, tài sản thi hành án; cưỡng chế, kê biên, định giá, bán đấu giá tài sản... Toàn Hệ thống THADS có 62 trường hợp công chức, người lao động bị kỷ luật, trong đó có 25 trường hợp vi phạm các quy định về nghiệp vụ thi hành án (tăng 08 trường hợp so với năm 2018); một số sai phạm trong THADS chậm được khắc phục. Vấn đề này đang làm ảnh hưởng tới hình ảnh, uy tín và niềm tin của người dân, doanh nghiệp vào Hệ thống THADS.

- Tỷ lệ thi hành án hành chính đạt thấp, kéo dài qua nhiều năm, nhất là trường hợp người phải thi hành án là Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Qua theo dõi, cả nước còn còn 339 vụ việc thi hành án hành chính chưa được thi hành xong (tăng 115 vụ việc so với năm 2018), trong đó nhiều nhất là các vụ việc liên quan đến đất đai. Nếu vấn đề thi hành án hành chính không sớm được cải thiện thì sẽ dẫn đến những hậu quả phức tạp khi cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ nhà nước không chấp hành đúng bản án, quyết định của Tòa án.

3. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước

3.1. Kết quả

a) Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

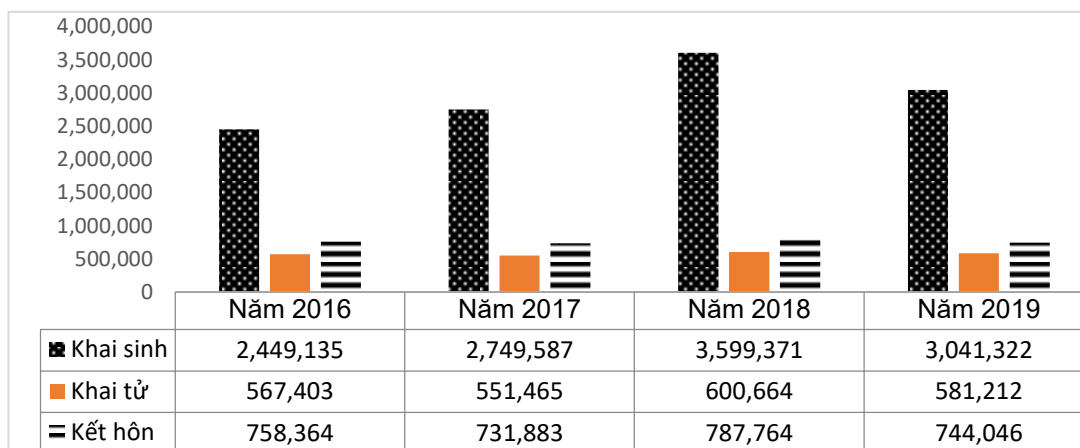
Thế chế cho công tác hộ tịch, quốc tịch được Bộ và các địa phương tập trung hoàn thiện¹².

- *Công tác hộ tịch*: Là nhiệm vụ trọng tâm, trực tiếp phục vụ người dân, toàn Ngành tiếp tục chú trọng thực hiện Luật Hộ tịch, Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024. Đã hoàn thành việc đào tạo, hướng dẫn triển khai Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung cho 63/63 địa phương, đã có 60/63 địa phương triển khai sử dụng Hệ thống, trong đó có 58/60 địa phương đã tham gia sử dụng đầy đủ các ứng dụng của Hệ thống, thực hiện kết nối để cấp số định danh cá nhân cho trẻ em khi đăng ký khai sinh (tăng thêm 22 tỉnh/thành phố so với năm 2018). Triển khai kết nối liên thông thành công dữ liệu đăng ký khai sinh với Bảo hiểm Xã hội Việt Nam để cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi. Các

¹² Nghị định quy định về việc quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, thủ tục đăng ký hộ tịch trực tuyến; Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quốc tịch Việt Nam (thay thế Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009); Thông tư hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu sổ tiếp nhận về quốc tịch; Thông tư thay thế Thông tư số 15/2015/TT-BTP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP.

tỉnh/thành phố (Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng) đã tích cực rà soát, chuẩn bị điều kiện và kết nối dịch vụ đăng ký khai sinh với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Theo số liệu tổng hợp, cả nước đã thực hiện đăng ký khai sinh mới cho **2.073.814** trường hợp (giảm 4,87% so với năm 2018), đăng ký khai sinh lại cho **961.124** trường hợp (giảm 32%)¹³ và **6.384** trường hợp khai sinh có yếu tố nước ngoài (tăng 19,2%); khai tử cho tổng số **581.212** trường hợp (giảm 3,23%); đăng ký kết hôn cho tổng số **744.046** cặp (giảm 5,55%), trong đó có 22.800 trường hợp có yếu tố nước ngoài (tăng 11,4%) và 22.336 trường hợp đăng ký lại.



Biểu đồ số 02: Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn (bao gồm cả đăng ký mới, đăng ký lại và các trường hợp có yếu tố nước ngoài) từ năm 2016-2019

- *Công tác quốc tịch:* Bộ Tư pháp đã tham mưu, trình Chủ tịch nước giải quyết **6.891** hồ sơ xin thôi, xin nhập, xin trở lại quốc tịch Việt Nam (gồm 5.611 hồ sơ xin thôi, 1.273 hồ sơ xin nhập, 07 hồ sơ xin trở lại quốc tịch Việt Nam), tăng 12,8% so với năm 2018; trả lời tra cứu quốc tịch Việt Nam của **1.093** trường hợp theo đề nghị của các cơ quan.

Năm 2019 là năm cuối thực hiện “Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về việc giải quyết vấn đề di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới hai nước”, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các địa phương liên quan hướng dẫn việc lập hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam, hồ sơ đăng ký khai sinh, kết hôn cho người Lào di cư tự do và kết hôn không giá thú trong danh sách đã được phê duyệt hiện cư trú tại các tỉnh biên giới với Lào (Chủ tịch nước đã ký Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam đối với 1.262 trường hợp¹⁴); đến nay Thỏa thuận đã được thực hiện thành công, đem lại quốc tịch và các giấy tờ hộ tịch cho hàng nghìn người dân. Đối với Tiểu Đề án “Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước”, Bộ đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các địa phương liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc. Đến nay, đã có 2.678 trẻ là con

¹³ Số lượng đăng ký khai sinh lại giảm nhiều so với năm 2018 vì năm 2018 các địa phương đẩy mạnh việc rà soát giấy khai sinh phục vụ xây dựng CSDLQG về dân cư nên phát sinh nhiều việc đăng ký lại.

¹⁴ Cụ thể: 83 trường hợp cư trú tại tỉnh Điện Biên, 294 trường hợp cư trú tại tỉnh Sơn La, 52 trường hợp cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, 135 trường hợp cư trú tại tỉnh Nghệ An, 616 trường hợp cư trú tại tỉnh Quảng Trị, 09 trường hợp cư trú tại tỉnh Thừa Thiên - Huế, 20 trường hợp cư trú tại tỉnh Quảng Nam và 53 trường hợp cư trú tại tỉnh Kon Tum.

của người di cư tự do từ Campuchia về được đăng ký khai sinh và xác định quốc tịch Việt Nam; 1.487 người di cư trở về có đủ điều kiện đã được cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; 702 trường hợp được cấp Thẻ thường trú¹⁵.

- *Công tác chứng thực*: Trong năm, toàn Ngành đã chứng thực gần **102,4** triệu bản sao; thực hiện được hơn **8,5** triệu việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, chữ ký và các văn bản thỏa thuận khác (tăng 3% so với năm 2018), tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp thực hiện các quyền hợp pháp của mình.

b) Công tác nuôi con nuôi: Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ ban hành và tập trung triển khai thực hiện Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi; toàn Ngành tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Luật nuôi con nuôi và Công ước La Hay về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế; triển khai Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 19/01/2018 về tăng cường công tác nuôi con nuôi trong tình hình mới; Quy chế số 721/QC-BTPBLĐTBXH ngày 14/3/2016 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp công tác giải quyết việc nuôi con nuôi đối với trẻ em đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

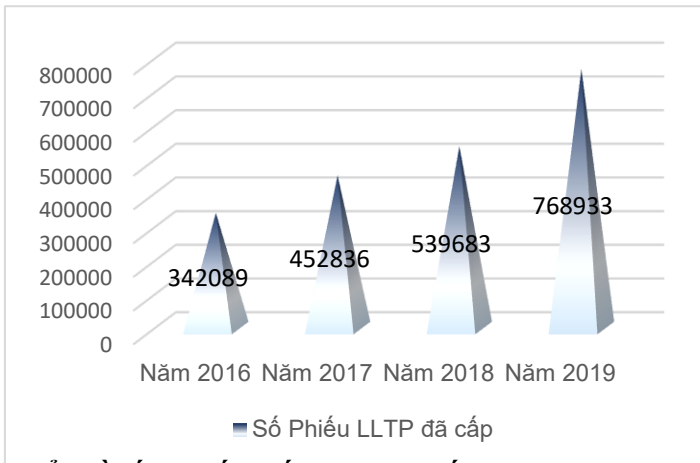
Trong năm, các cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết **2.936** trường hợp nuôi con nuôi trong nước (tăng 98 trường hợp so với năm 2018); **350** trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (giảm 80 trường hợp), các hồ sơ con nuôi quốc tế đều được giải quyết đúng quy định pháp luật.

c) Công tác lý lịch tư pháp:

Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện “Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030”, đề xuất giải pháp thực hiện tốt công tác này trong thời gian tới, kể cả tham mưu sửa đổi, bổ sung Luật LLTP; xây dựng

Quy trình thí điểm cấp phiếu lý lịch tư pháp (LLTP) trực tuyến mức độ 4. Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP được đẩy mạnh; tại Bộ Tư pháp, đã xử lý, cập nhật **260.884** thông tin (tăng 21,3% so với năm 2018).

Tại các địa phương, số phiếu LLTP đã cấp tăng rất nhiều so với năm 2018 và tăng hơn gấp đôi so với đầu nhiệm kỳ, cụ thể: đã cấp được tổng số **768.933** phiếu LLTP (tăng tới 42,6% so với năm 2018), trong đó có 559.810 Phiếu số 1 và 209.123 Phiếu số 2. Bộ Tư pháp đã cấp **15.204** Phiếu LLTP¹⁶ của người nước



Biểu đồ số 03: Số Phiếu LLTP đã cấp từ năm 2016-2019

¹⁵ Trong đó: An Giang 533 trường hợp, Đồng Nai 160 trường hợp, Long An 09 trường hợp.

¹⁶ Trong đó, có **14.443** trường hợp gửi hồ sơ yêu cầu và nhận Phiếu LLTP qua dịch vụ bưu chính.

ngoài đã từng cư trú tại Việt Nam và công dân Việt Nam không có nơi thường trú, tạm trú (tăng hơn 1,4 lần so với năm 2018); phối hợp với Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Bộ Công an và Công an các tỉnh/thành phố tra cứu, xác minh **484.634** trường hợp cho các Sở Tư pháp cấp Phiếu.

d) Công tác đăng ký giao dịch bảo đảm: Thể chế pháp luật cho công tác đăng ký giao dịch bảo đảm tiếp tục được hoàn thiện qua việc Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 01/2019/TT-BTP ngày 17/01/2019 hướng dẫn một số nội dung về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển; Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 về đăng ký và cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản tiếp tục tạo thuận lợi lớn cho người dân, doanh nghiệp.

Các Trung tâm Đăng ký đã giải quyết tổng số **992.051** đơn yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm và văn bản thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông (trong đó, đơn đăng ký trực tuyến chiếm khoảng **70%**); Bộ Giao thông vận tải giải quyết **378** đơn ĐKGDBĐ bằng tàu bay, tàu biển; các địa phương đã giải quyết **3.316.598** đơn đăng ký, cung cấp thông tin về ĐKGDBĐ bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tàu bay, tàu biển (tăng 8,8% so với năm 2018).

d) Công tác bồi thường nhà nước: Thể chế cho công tác bồi thường nhà nước tiếp tục được hoàn thiện; Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với TANDTC, VKSNDTC, các địa phương xây dựng, ban hành 03 văn bản¹⁷. Công tác tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành được chú trọng và đạt nhiều kết quả tích cực¹⁸. Các hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện thường xuyên. Bộ Tư pháp đã chủ động vào cuộc, kịp thời có ý kiến đối với nhiều vụ việc có tính chất phức tạp, kéo dài; đã tiếp nhận và giải quyết 21 trường hợp cơ quan, tổ chức yêu cầu hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường; tiếp nhận và giải quyết 26 đơn thư có yêu cầu cung cấp thông tin hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường.

Theo báo cáo chưa đầy đủ (của 16 Bộ và 57 UBND cấp tỉnh), các cơ quan có trách nhiệm bồi thường trên cả nước đã thụ lý, giải quyết tổng số 52 vụ việc, đã có quyết định giải quyết bồi thường 20/52 vụ việc, đạt tỉ lệ 38,4%. Với tổng số tiền Nhà nước phải bồi thường được xác định trong các quyết định giải quyết bồi thường, bản án, quyết định của Tòa án giải quyết các vụ án dân sự về bồi thường nhà nước có hiệu lực pháp luật là hơn 14,8 tỷ đồng.

¹⁷ Thông tư số 08/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, Thông tư số 09/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường; Quyết định số 3062/QĐ-BTP ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

¹⁸ Bộ Tư pháp đã tổ chức 06 hội nghị tập huấn cho khoảng 900 đại biểu; phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam xây dựng và phát sóng các chương trình phổ biến Luật; in và cấp phát 1000 cuốn sách “Chỉ dẫn pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, 6462 tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về quyền yêu cầu nhà nước bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án.

3.2. Khó khăn, hạn chế

- Chưa đạt mục tiêu tất cả các tỉnh, thành phố ứng dụng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung trước ngày 01/01/2020 (còn 03 địa phương chưa triển khai ứng dụng). Sai phạm trong lĩnh vực hộ tịch, đặc biệt là tình trạng thay đổi, cải chính hộ tịch không có cơ sở/thực hiện thay đổi, cải chính hộ tịch trái quy định pháp luật để hợp lý hóa hồ sơ giấy tờ cá nhân còn xảy ra tại một số địa phương. Xuất hiện khó khăn trong việc phối hợp giữa cơ quan công an và cơ quan tư pháp cùng cấp tại địa phương trong quá trình thu thập thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư dẫn đến gia tăng việc đăng ký lại khai sinh/bổ sung/cải chính hộ tịch. Còn có sai sót trong công tác chứng thực¹⁹.

- Đối với công tác nuôi con nuôi trong nước, vẫn còn tình trạng nuôi con nuôi mà không đăng ký theo quy định pháp luật. Qua kiểm tra, thanh tra tại một số địa phương (Hà Giang, Quảng Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Quảng Nam, Nghệ An, Thanh Hóa, Sơn La) cho thấy vẫn còn có các trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi chưa đảm bảo yêu cầu về hồ sơ và thủ tục. Đối với công tác nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, việc giải quyết nuôi con nuôi còn lúng túng, chưa bắt kịp những quy định mới của Nghị định số 24/2019/NĐ-CP.

- Quy định pháp luật về công tác LLTP bộc lộ sự thiếu đồng bộ nhưng chưa được sửa đổi, nhất là liên quan đến chế định đương nhiên xóa án tích theo quy định của Bộ luật hình sự 2015, dẫn đến khó khăn trong áp dụng pháp luật. Tình trạng lạm dụng yêu cầu cấp Phiếu LLTP số 2 đối với công dân vẫn tăng nhanh (cấp 209.123 Phiếu, tăng 25,6% so với năm 2018). Tình trạng quá hạn trong cấp Phiếu LLTP còn xảy ra ở một số địa phương. Việc triển khai thực hiện Quy chế số 02 giữa Trung tâm LLTP quốc gia (Bộ Tư pháp) với Cục Hồ sơ nghiệp vụ (Bộ Công an) ở một số địa phương chưa kịp thời; còn 02 Sở Tư pháp (*Thái Bình, Khánh Hòa*); 03 Công an tỉnh (*Thái Nguyên, Yên Bái, Nghệ An*) chưa thực hiện theo Quy chế.

- Một số cơ quan, địa phương còn lúng túng triển khai thực hiện các quy định mới của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước, đặc biệt là chưa chủ động phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường, chưa ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong thực hiện công tác bồi thường nhà nước²⁰. Số lượng vụ việc bồi thường chưa được giải quyết xong còn nhiều (còn 32 vụ việc), gây bức xúc cho người dân và doanh nghiệp.

4. Công tác hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

4.1. Kết quả

¹⁹ Như: Ghi chép sổ và sử dụng mẫu lời chứng không đúng quy định; chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản không được hợp pháp hóa lãnh sự; chứng thực chữ ký trên các giấy tờ, văn bản không được chứng thực chữ ký; chứng thực chữ ký người dịch đối với những bản dịch không có chữ ký của người dịch/chữ ký photo hoặc chữ ký không đúng với chữ ký mẫu; đặc biệt là việc thu sai phí chứng thực.

²⁰ Ví dụ trường hợp TAND thành phố Hồ Chí Minh không báo cáo công tác bồi thường nhà nước cho UBND thành phố để phục vụ hoạt động kiểm tra liên ngành mặc dù TANDTC đã có văn bản chỉ đạo phối hợp. Qua kiểm tra tại Đồng Nai, trong một số vụ việc, cơ quan giải quyết bồi thường mời Sở Tư pháp tham gia nhưng Sở Tư pháp chưa sắp xếp tham gia.

a) Công tác hỗ trợ tư pháp

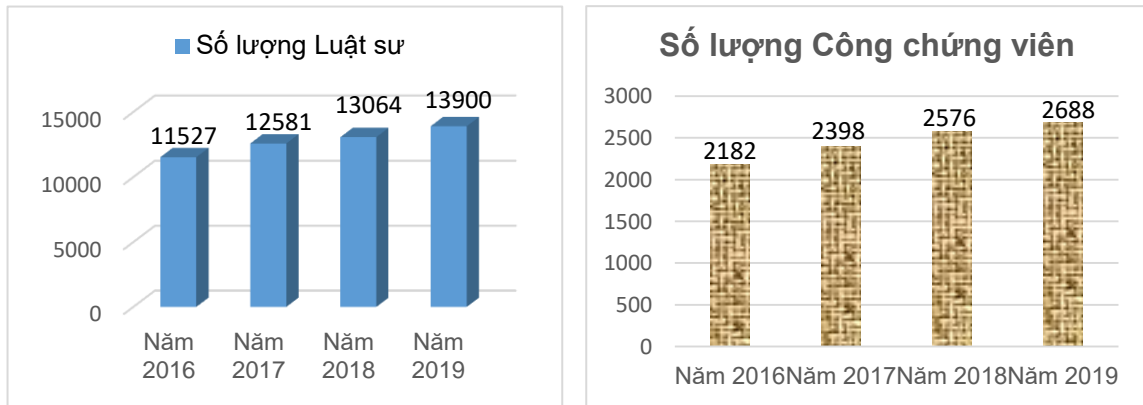
Thế chế trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp đang được toàn Ngành tập trung sửa đổi, hoàn thiện. Bộ Tư pháp đã giúp Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội cho ý kiến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp; phối hợp Văn phòng Chính phủ và các cơ quan hoàn thiện Nghị định về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng đến năm 2030, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường năng lực cho trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư phục vụ hội nhập quốc tế. Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 02/2019/TT-BTP ngày 15/3/2019 quy định nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư. Cùng với đó, Bộ, ngành Tư pháp tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; tăng cường thanh tra, kiểm tra và kịp thời chấn chỉnh sai phạm trong lĩnh vực này.

- Trong lĩnh vực luật sư, các Bộ, ngành và địa phương đã tích cực tổng kết 10 năm Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 30/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư, đề xuất định hướng, chính sách phát triển nghề luật sư trong tình hình mới; tập trung triển khai Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố thể hiện vai trò tích cực trong tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tổ chức thành công đại hội Đoàn luật sư ở 60/63 địa phương²¹.

Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho 1366 trường hợp, nâng số luật sư đã được cấp chứng chỉ hành nghề lên trên 17.000 người (trong số đó, Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã cấp thẻ hành nghề cho 13.900 luật sư); cấp và gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam cho 63 luật sư nước ngoài. Các luật sư đã thực hiện **109.097** vụ việc, nộp thuế gần **285** tỷ đồng (tăng tới 136% so với năm 2018), ngày càng đóng góp tích cực trong việc nâng cao chất lượng hoạt động tố tụng, chất lượng tranh tụng tại phiên tòa.

- Về lĩnh vực công chứng, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan tổ chức thành công Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc lần thứ nhất thành lập Hiệp hội công chứng viên Việt Nam, tạo điều kiện cho sự phát triển của hoạt động công chứng trong thời gian tới; đã tổ chức tốt kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ ba cho 884 thí sinh, đảm bảo nghiêm túc, công khai, khách quan và đúng quy định của pháp luật. Bộ đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 78 công chứng viên và miễn nhiệm đối với 15 trường hợp. Hiện nay, cả nước có 2.688 Công chứng viên; các tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng được **6.730.759** hợp đồng, giao dịch, bản dịch và các loại việc khác (tương đương năm 2018), đóng góp cho ngân sách nhà nước hoặc nộp thuế hơn **301** tỷ đồng.

²¹ Còn 03 địa phương (Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Nam) đang chuẩn bị để tổ chức đại hội.



Biểu đồ số 04: Số lượng Luật sư, Công chứng viên từ năm 2016-2019

- Về lĩnh vực giám định tư pháp, các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp theo Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 28/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ; quan tâm, chú trọng hơn đến việc tiếp nhận, trung cầu và thực hiện giám định theo đề nghị của các cơ quan tiến hành tố tụng, nhất là các vụ án tham nhũng, kinh tế. Các Bộ đã chú trọng rà soát, sửa đổi quy định, hướng dẫn công tác giám định thuộc lĩnh vực quản lý của mình²². Theo thống kê, cả nước đã thực hiện tổng số **163.742** vụ việc giám định (*tăng 6% so với năm 2018*), trong đó có 139.007 vụ việc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, qua đó đóng góp quan trọng cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, giúp cho việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án nghiêm minh, đúng pháp luật, hạn chế oan sai.

- Về lĩnh vực bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, toàn Ngành tiếp tục triển khai thi hành Luật Đấu giá tài sản, Luật Trọng tài thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành. Năm 2019, Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá viên cho 16 trường hợp, cấp Giấy phép thành lập 03 trung tâm trọng tài thương mại. Cả nước hiện có 1.026 Đấu giá viên đang hành nghề; đã thực hiện được **24.684** cuộc bán đấu giá thành (*giảm 10% so với năm 2018*).

- Về lĩnh vực quản lý thanh lý tài sản, hòa giải thương mại, thừa phát lại, Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ hành nghề quản tài viên cho 119 trường hợp; cấp Giấy phép thành lập 03 trung tâm hòa giải thương mại, bổ nhiệm thừa phát lại đối với 41 trường hợp, miễn nhiệm Thừa phát lại đối với 09 trường hợp. Trong lĩnh vực thừa phát lại, các địa phương đã xây dựng 21 Đề án thực hiện mới, nâng tổng số các địa phương thực hiện chế định thừa phát lại lên 34 tỉnh, thành phố, ngoài ra có 06 địa phương đã xây dựng Đề án bổ sung về thành lập Văn phòng thừa phát lại.

²² Như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Thông tư quy định về quy trình giám định tư pháp đối với di vật, cổ vật; Thông tư quy định quy trình giám định tư pháp về quyền tác giả, quyền liên quan; Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Thông tư quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần và Thông tư về quy trình giám định pháp y tâm thần...

b) Công tác trợ giúp pháp lý

Tiếp tục triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý (TGPL) năm 2017, có thêm 28 tỉnh, thành phố hoàn thành rà soát, đề xuất giải thể, duy trì, sáp nhập Chi nhánh TGPL²³, đến nay có 43/185 Chi nhánh TGPL được giải thể; ngành Tư pháp cũng quan tâm thu hút nguồn lực từ bên ngoài, các tổ chức hành nghề luật sư tham gia TGPL; đến nay có 161 tổ chức đã đăng ký tham gia TGPL với 27 Sở Tư pháp. Bộ, ngành Tư pháp chú trọng nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện và người thực hiện TGPL; Bộ đã tổ chức thành công kỳ kiểm tra tập sự TGPL đợt 1 năm 2019 cho 44 thí sinh và tổ chức tốt kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp trợ giúp viên pháp lý từ hạng III lên hạng II cho 51 thí sinh. Danh sách tổ chức và người thực hiện TGPL của 63/63 địa phương thường xuyên được cập nhật, công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Hoạt động phối hợp TGPL trong tổ tụng và tham gia tố tụng đã có nhiều chuyển biến. Đến nay, các ngành tại Hội đồng phối hợp Trung ương đã ban hành Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, tổ chức tập huấn triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC; hầu hết các tỉnh đã kiện toàn Hội đồng phối hợp liên ngành và tổ giúp việc của Hội đồng theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 10. Hoạt động tham gia tố tụng của người thực hiện TGPL được nhiều cơ quan tiến hành tố tụng tại các địa phương ghi nhận, đánh giá cao. Năm 2019, mặc dù số lượng vụ việc TGPL giảm nhưng số lượng vụ việc tham gia tố tụng, chất lượng và hiệu quả TGPL tiếp tục tăng cao. Cụ thể: Các Trung tâm đã tiếp nhận, thực hiện **47.263** vụ việc TGPL, trong đó có 36.474 vụ việc đã kết thúc. Điều đáng mừng là số vụ việc tham gia tố tụng lên tới **22.571** vụ việc (chiếm gần 48% tổng số vụ việc, tăng 23% so với năm 2018). Nhiều địa phương có số vụ việc tham gia tố tụng tăng mạnh so với năm 2018 như: Hậu Giang tăng 259%; Nam Định tăng 215%; Đồng Nai tăng 133%; An Giang tăng 109%; Lâm Đồng tăng 96%; Đắk Nông tăng 94%; Kiên Giang tăng 91%.

c) Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP), tạo cơ sở pháp lý quan trọng để nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian tới. Bộ Tư pháp đã phối hợp với các địa phương và các cơ quan, tổ chức tập huấn tăng cường năng lực cho các cán bộ làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; phối hợp xây dựng và phát sóng Chương trình “Kinh doanh và Pháp luật” trên Đài truyền hình Việt Nam và nhiều chương trình trên Đài tiếng nói Việt Nam, tập trung vào các chuyên đề pháp luật mới, pháp luật kinh doanh, đầu tư cho doanh nghiệp.

²³ Cao Bằng, Hưng Yên, Quảng Bình, Sóc Trăng, Điện Biên, Bến Tre, Nam Định, Đồng Tháp, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đồng Nai, Lào Cai, Thái Bình, Hòa Bình, Nghệ An, Bạc Liêu, Hải Dương, Gia Lai, An Giang, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Bà Rịa – Vũng Tàu, Quảng Trị, Lâm Đồng, Kon Tum, Hà Giang, Thanh Hóa.

4.2. Khó khăn, hạn chế

- Trong bối cảnh xã hội hóa mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp, quan điểm, nhận thức coi các nghề tư pháp như các nghề kinh doanh thông thường nên có xu hướng “tự do hóa” đối với các nghề như luật sư, công chứng, đấu giá tài sản... thay vì chú trọng đến chất lượng, tính chuyên nghiệp của các nghề này, cũng như sứ mệnh bảo vệ công lý, công bằng xã hội và an toàn giao dịch, chống thất thoát tài sản công. Hoạt động của một số tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp như luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, thừa phát lại còn có sai phạm, vi phạm đạo đức nghề nghiệp; vẫn còn có hiện tượng chạy theo lợi nhuận gây ảnh hưởng đến uy tín hoạt động hành nghề trong xã hội, nhất là trong bối cảnh thực hiện chủ trương cắt giảm các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp. Khó khăn, chậm trễ trong thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thừa phát lại chưa được tháo gỡ.

- Công tác tuyên truyền về TGPL, sự chủ động tiếp cận các đối tượng được TGPL còn hạn chế nên nhiều người dân chưa biết hoặc khó tiếp cận đến TGPL. Điều này cộng với tâm lý chưa hoàn toàn tin tưởng vào TGPL đang làm giảm hiệu quả công tác này; hệ quả là số lượng vụ án được TGPL so với tổng số vụ án được xét xử có đối tượng được TGPL còn hạn chế. Chất lượng, hiệu quả một số vụ việc trợ giúp chưa cao.

- Việc triển khai Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại một số Bộ, ngành và địa phương còn chậm, nhất là công tác tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ biết và sử dụng dịch vụ hỗ trợ pháp lý; hiệu quả của một số hoạt động chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ của doanh nghiệp.

5. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; báo chí, xuất bản

5.1. Kết quả

a) Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở

Thế chế công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở có bước hoàn thiện quan trọng. Bộ Tư pháp đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành 03 Quyết định và 01 Chỉ thị²⁴; ký kết Chương trình phối hợp số 162/CTPH-TANDTC-BTC ngày 08/4/2019 giữa Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao phối hợp về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở giai đoạn 2019 – 2023. Cùng với đó, các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân, đồng thời đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả hơn công tác này trong thời gian tới.

²⁴ Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật; Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019-2021”; Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 ban hành Đề án củng cố, nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 30/8/2019 về việc tăng cường thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ, phát huy tốt vai trò của Hội Luật gia Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Việc thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Chương trình PBGDPL giai đoạn 2017-2021 và các Kế hoạch, Đề án PBGDPL khác được các cấp, các ngành đẩy mạnh, nhất là tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm liên kết, chia sẻ, cập nhật kịp thời thông tin pháp luật, tổ chức các cuộc thi trực tuyến về tìm hiểu pháp luật. Nhiều Bộ, ngành, địa phương tiếp tục nghiên cứu, triển khai những mô hình, cách làm hiệu quả trong công tác PBGDPL²⁵. Đặc biệt, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Tập đoàn Giáo dục Egroup phát động Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu kiến thức pháp luật “Pháp luật học đường” nhằm hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2019; các địa phương đều tích cực hưởng ứng cuộc thi và đến nay đã vượt mốc 100.000 thí sinh dự thi.

Theo số liệu tổng hợp, các Bộ, ngành, địa phương đã tổ chức **1.088.795** cuộc tuyên truyền pháp luật trực tiếp (*giảm 4,8%*) cho trên **70,5** triệu lượt người; phát miễn phí gần **50** triệu bản tài liệu tuyên truyền, PBGDPL.

- Bộ Tư pháp và các địa phương đã hoàn thành việc tổng kết 5 năm thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở. Qua tổng kết cho thấy, công tác hoà giải ở cơ sở đã khẳng định vai trò tích cực trong việc xây dựng sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư, giảm thiểu tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn xã hội. Nhiều tỉnh, thành phố đã tổ chức Hội thi hòa giải viên giỏi cấp tỉnh năm 2019 (như: Hậu Giang, Hòa Bình, Hà Nội, Bình Định). Năm 2019, cả nước tiếp nhận **124.240** vụ việc hòa giải (*giảm 13,6%*), trung bình tỷ lệ hòa giải thành đạt **83,14%** (*tăng 2,35%*). Một số địa phương có tỷ lệ hoà giải thành rất cao (như Hậu Giang – 94,6%, An Giang – 92%, Long An – 91,8%, Vĩnh Long – 91,62%, Yên Bái – 87,3%, Lai Châu – 86,7%, Phú Thọ - 85%).

- Thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, nhiều địa phương đã ban hành văn bản, kế hoạch riêng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật²⁶. Đến nay có 7.758/9.874 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (trung bình đạt gần 80%, cao hơn 20% so với năm 2018). Một số địa phương có tỷ lệ cao về số xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, như: Vĩnh Long (98%), Quảng Ninh (98%), tỉnh Tiền Giang (97%).

²⁵ Như: Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam, Công ty Trường Thành tiếp tục thực hiện Chương trình truyền hình “Sức nước ngàn năm”; Bộ Công an tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu Luật An ninh mạng” trong Công an nhân dân. Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến (Bình Định, Đồng Nai); tổ chức triển khai, phổ biến các văn bản pháp luật mới theo hình thức trực tuyến (Long An); tổ chức PBGDPL qua facebook (Công an thành phố Đà Nẵng, Hà Nội, Đắk Lắk); đội hình “Tư vấn pháp lý lưu động”, chương trình “Pháp luật và cuộc sống”, chương trình ca nhạc - kịch tuyên truyền “Chuyện cần biết” (thành phố Hồ Chí Minh); xây dựng “Tủ sách pháp luật điện tử” (Công an tỉnh Tây Ninh); sinh hoạt Ngày Pháp luật định kỳ, hàng tháng (Đồng Nai, Hậu Giang); sinh hoạt Câu lạc bộ Truyền thông pháp luật, truyền thông lưu động trên xe buýt mang tên “Chuyến xe công đoàn” cho công nhân (Thừa Thiên Huế); chương trình “Cà phê với pháp luật”, cuộc thi “Thiết kế sản phẩm tuyên truyền, giáo dục Pháp luật” (Tây Ninh); sinh hoạt chuyên đề “Phòng ngừa và đấu tranh chống thông tin, quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng” (Đà Nẵng).

²⁶ An Giang, Bạc Liêu, Cao Bằng, Đắk Nông, Điện Biên, Hậu Giang, thành phố Hồ Chí Minh, Lai Châu, Lâm Đồng, Nam Định, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Thừa Thiên – Huế, Tiền Giang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc, Yên Bái,...

b) Công tác báo chí, xuất bản

Công tác xuất bản, báo chí bảo đảm thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích và chấp hành nghiêm túc các chỉ đạo, định hướng thông tin tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông; tập trung vào nhiệm vụ đổi mới về nội dung và hình thức của các ấn phẩm, nâng cao chất lượng từng ấn phẩm, tin, bài để thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành; đồng thời tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội. Báo Pháp luật Việt Nam tiếp tục duy trì 11 ấn phẩm với nhiều nội dung, hình thức đa dạng; Nhà Xuất bản Tư pháp đã hoàn thành xuất bản 130 xuất bản phẩm với 139.832 bản in, đồng thời tiếp tục áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng biểu mẫu, sổ hộ tịch, dán tem chống giả phiếu lý lịch tư pháp, kịp thời đáp ứng yêu cầu của các địa phương; Tạp chí Dân chủ và Pháp luật đã biên tập, xuất bản và phát hành 12 số Tạp chí định kỳ 64 trang, 12 số Tạp chí chuyên đề 32 trang và 06 số Tạp chí chuyên đề chuyên sâu 200 trang.

5.2. Khó khăn, hạn chế

- Chất lượng công tác PBGDPL đã nâng lên nhưng chưa đồng đều, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới; hình thức, biện pháp PBGDPL được đổi mới ở một số cơ quan, địa phương nhưng chưa thường xuyên, rộng khắp, chưa tạo sự chuyển biến tích cực, rõ rệt. Vẫn còn tình trạng coi PBGDPL là nhiệm vụ riêng của ngành Tư pháp; một số cơ quan, địa phương còn chưa chủ động, trông chờ chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc của cấp trên. Việc thu hút các chuyên gia, người am hiểu pháp luật tham gia làm Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật còn khó khăn; số lượng người tham gia đội ngũ này bắt đầu có xu hướng giảm so với năm 2018 (đến cuối năm 2019, số Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh là 6.948 người, giảm 59 người; cấp huyện là 17.044 người, giảm 274 người; số Tuyên truyền viên pháp luật cấp xã là 142.738 người, giảm 1.871 người).

- Năng lực, trình độ đội ngũ hòa giải viên pháp luật, tỷ lệ hòa giải thành ở một số địa phương còn thấp hơn khá nhiều so với bình quân của cả nước (như Ninh Thuận – 70%, Lạng Sơn – 72,3%).

6. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

6.1. Kết quả

- Được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, Bộ, ngành Tư pháp đã tích cực xây dựng, trình Chính phủ xem xét đề trình Quốc hội dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Bộ Tư pháp cũng đã trình Chính phủ xem xét 02 Nghị định: (i) Nghị định kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (ii) Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Toàn Ngành, nhất là ở địa phương, tham gia tích cực với chính quyền các cấp trong việc xử lý đối với các vụ việc vi phạm hành chính trên địa bàn, góp phần lập lại trật tự, kỷ cương hành chính.

- Các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố đã quan tâm triển khai thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018 - 2022; chú trọng công tác theo dõi thi hành pháp luật gắn với thực hiện tốt

công tác kiểm tra, xử lý văn bản, nhất là những văn bản có tác động trực tiếp, rộng rãi đến người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành (về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động), nhiều Bộ, ngành, địa phương đã chú trọng theo dõi các lĩnh vực gắn với đặc thù, trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của lĩnh vực, địa phương²⁷.

Đặc biệt, thực hiện nhiệm vụ mới được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 liên quan đến cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1), Bộ Tư pháp đã kịp thời ban hành Tài liệu hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương; tổ chức 02 Hội nghị (tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) về các giải pháp để cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật; tổ chức cuộc họp trực tuyến với chuyên gia Diễn đàn Kinh tế thế giới để tìm hiểu về Chỉ số B1. Theo công bố của WEF, điểm số và vị trí xếp hạng của Việt Nam về Chỉ số B1 đã được cải thiện đáng kể (**tăng 17 bậc so với năm 2018**), vượt mục tiêu Chính phủ giao (năm 2019: tăng ít nhất 02 bậc; giai đoạn từ năm 2019 - 2021: tăng từ 05 - 10 bậc).

6.2. Khó khăn, hạn chế

- Thể chế pháp luật về xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) còn nhiều bất cập, chưa phù hợp, không khả thi nhưng chậm được sửa đổi. Việc XLVPHC đối với một số vụ việc chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Hiệu quả công tác XLVPHC và theo dõi thi hành pháp luật nhìn chung còn thấp; còn lúng túng trong triển khai thực hiện, làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp.

7. Công tác pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về pháp luật

7.1. Kết quả

a) Công tác pháp luật quốc tế

- *Công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế*: Mặc dù mới nhận nhiệm vụ chuyển giao từ Bộ Ngoại giao làm cơ quan chủ trì thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), một điều ước quốc tế quan trọng và phức tạp bậc nhất về quyền con người, Bộ Tư pháp đã xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm. Năm 2019, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan bảo vệ thành công Báo cáo Quốc gia thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR); xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban Công ước²⁸ và ban hành Kế hoạch thực hiện của riêng Bộ Tư pháp.

²⁷ Như: Bộ Tư pháp tập trung theo dõi lĩnh vực hòa giải ở cơ sở và kiểm tra tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tập trung theo dõi thi hành các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; tập trung theo dõi lĩnh vực an toàn thực phẩm (An Giang), cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Hậu Giang, Bạc Liêu)...

²⁸ Quyết định số 1252/QĐ-TTg ngày 26/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước ICCPR và các khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc.

Bộ Tư pháp đã thẩm định **76** điều ước quốc tế (tăng 13 văn bản so với năm 2018); góp ý **233** điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế, qua đó góp phần quan trọng bảo đảm yếu tố pháp lý trong quá trình hội nhập sâu, rộng của đất nước. Bên cạnh đó, Bộ tham gia tích cực đàm phán và tham mưu cho Chính phủ trong đàm phán, ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương; tập trung rà soát, đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật Việt Nam khi tham gia các Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định đối tác toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (IPA), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Vương Quốc Anh, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Isarel...

- *Công tác tương trợ tư pháp, đàm phán, cấp ý kiến pháp lý*: Bộ Tư pháp đã phối hợp với các Bộ, ngành để đề xuất đàm phán Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự với Vương quốc Thái Lan; trình Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự với Hung-ga-ri; phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia đàm phán các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với Nhật Bản, I-ta-li-a, Lào; phối hợp với Bộ Công an đàm phán 02 hiệp định chuyển giao người bị kết án phạt tù với Nhật Bản, Italia và 01 Hiệp định dẫn độ với I-ta-li-a. Tiếp tục thực hiện tốt chức năng đại diện cho Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế; triển khai có hiệu quả việc thực thi Công ước La Hay về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp, ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại; đã tiếp nhận, xử lý **2.810** hồ sơ ủy thác tư pháp về dân sự do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi đi nước ngoài; **1.594** hồ sơ của cơ quan thẩm quyền nước ngoài gửi tới Việt Nam; chủ động, tích cực nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ gia nhập các công ước phù hợp trong khuôn khổ Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế để tăng cường hợp tác quốc tế trong xử lý các vấn đề tư pháp. Bộ đã nghiên cứu và cấp **07** ý kiến pháp lý cho các hiệp định vay nước ngoài.

- *Công tác giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế*: Bộ Tư pháp đã thực hiện nhiệm vụ “đại diện pháp lý” cho Chính phủ trong 04 vụ tranh chấp với nhà đầu tư nước ngoài và hỗ trợ một số địa phương giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với chính quyền địa phương; chủ trì giải quyết dứt điểm 02 vụ kiện lớn về đầu tư quốc tế, bảo vệ tối đa quyền lợi của Việt Nam. Bên cạnh đó, Bộ đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương giải quyết nhiều khiếu nại, yêu cầu của nhà đầu tư nước ngoài, hạn chế khiếu kiện; đã tổ chức 03 lớp tập huấn kiến thức, kỹ năng pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cho 230 công chức, viên chức làm công tác pháp luật, pháp chế tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

b) Công tác hợp tác quốc tế về pháp luật

- Bộ Tư pháp cùng với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương đã tập trung giúp Ban cán sự Đảng Chính phủ tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 09/12/2009 của Ban Bí thư về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Các hoạt động hợp tác

quốc tế về pháp luật được thực hiện đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hỗ trợ tích cực cho công cuộc cải cách pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch đối ngoại năm 2019 tiếp tục bám sát yêu cầu hiệu quả, tiết kiệm và hướng thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, Ngành. Công tác thông tin đối ngoại được duy trì thực hiện tốt, góp phần giới thiệu, tăng cường hiểu biết về hệ thống tổ chức, hoạt động của tư pháp Việt Nam đến bạn bè quốc tế.

- Hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật được triển khai hiệu quả trên cả ba bình diện song phương, toàn cầu và đa phương khu vực. Đã xây dựng, đàm phán mới 32 văn kiện hợp tác với các đối tác (bao gồm 09 thỏa thuận quốc tế và 23 chương trình, kế hoạch hợp tác năm 2019); tiếp tục triển khai thực hiện 30 thỏa thuận, chương trình, kế hoạch hợp tác đã được ký kết trước đây. Hợp tác song phương trong lĩnh vực pháp luật tiếp tục đạt nhiều kết quả ấn tượng với điểm nhấn là thúc đẩy quan hệ đặc biệt với Lào, Campuchia, Cuba²⁹; quan hệ hợp tác đối tác chiến lược với Nhật Bản, Pháp, Đức; đẩy mạnh quan hệ hợp tác với Liên bang Nga, Pháp, Singapore... Quan hệ hợp tác đa phương tiếp tục được đẩy mạnh cả trên bình diện khu vực và toàn cầu, nhất là với các nước trong khu vực ASEAN, EU.

7.2. Khó khăn, hạn chế

- Tiên độ góp ý, thẩm định một số điều ước, thỏa thuận quốc tế còn chậm. Tỷ lệ hồ sơ ủy thác tư pháp nhận được kết quả vẫn còn thấp, nhất là số hồ sơ từ nước ngoài gửi tới Việt Nam (*khoảng 70% số hồ sơ từ Việt Nam gửi đi nước ngoài và 61,2% số hồ sơ từ nước ngoài gửi tới Việt Nam có kết quả chuyển trả cơ quan yêu cầu*). Một số Bộ, ngành, địa phương còn xem nhẹ yếu tố pháp lý trong quản lý đầu tư, nhất là công tác phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế. Khi xảy ra khiếu kiện, không ít Bộ, ngành và địa phương có quyết định hoặc hành vi bị kiện nhưng không chủ động vào cuộc, đùn đẩy trách nhiệm chủ trì giải quyết vụ kiện; công tác phối hợp giải quyết khi vụ kiện đã xảy ra còn chưa đồng bộ, hiệu quả.

- Trong hợp tác quốc tế về pháp luật, chưa khắc phục được triệt để những hạn chế, tồn tại về triển khai thực hiện các Thỏa thuận hợp tác đã ký kết với đối tác song phương; vẫn còn tình trạng có các hoạt động/văn kiện chậm hoặc không được triển khai. Chưa đưa được cán bộ pháp luật và tư pháp vào thực tập, làm việc tại các tổ chức và cơ quan pháp luật, tư pháp quốc tế để vừa học hỏi, vừa tham gia quyết định các vấn đề của pháp luật và tư pháp quốc tế.

²⁹ Đón 07 đoàn Bộ Tư pháp Lào sang thăm và làm việc tại Bộ Tư pháp Việt Nam, tổ chức đoàn Bộ trưởng Tư pháp Việt Nam sang thăm luân phiên tại Lào; phối hợp tổ chức thành công Hội nghị Tư pháp các tỉnh có chung đường biên giới Việt Nam – Campuchia lần thứ hai tại Campuchia; Bộ trưởng Bộ Tư pháp Cuba sang thăm và làm việc và ký Chương trình hợp tác tại Việt Nam.

8. Công tác xây dựng Ngành, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học pháp lý

8.1. Kết quả

- *Công tác tổ chức bộ máy, biên chế:* Các cơ quan tư pháp trong toàn Ngành tiếp tục tập trung kiện toàn tổ chức, bộ máy tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 6 khoá XII và các yêu cầu của Chính phủ, bảo đảm thống nhất, thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao. Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 16/08/2019 về Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tư pháp; phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập phân hiệu Đại học Luật Hà Nội tại Đắk Lắk trên cơ sở giải thể, kiện toàn lại Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột.

Công tác quản lý biên chế được thực hiện đúng số lượng phân bổ của Bộ Nội vụ, đồng thời gắn kết với việc thực hiện tinh giản biên chế theo yêu cầu của Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Bộ Tư pháp đã thực hiện cắt giảm 214 biên chế so với năm 2018 (tương đương 2,157%) và giảm tổng số 715 biên chế so với năm 2015 (tương đương 6.73%), đạt chỉ tiêu đề ra.

- *Công tác cán bộ:* Toàn Ngành tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2021 và giai đoạn 2021-2026 theo đúng nguyên tắc, yêu cầu, trình tự, thủ tục quy định, bảo đảm đúng đường lối, chủ trương của Đảng và phù hợp với đặc thù của ngành Tư pháp; hoàn thiện thể chế nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng thực hiện các quy trình công tác cán bộ như quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, quy chế tiếp nhận công chức, đề án đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức. Công tác tuyển dụng, tiếp nhận; điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí việc làm; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện đúng quy định³⁰. Các chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động tiếp tục được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật, góp phần thúc đẩy khả năng sáng tạo, trách nhiệm của mỗi con người, xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

So với năm 2018, đội ngũ làm công tác tư pháp ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã đều giảm, cụ thể: Cả nước hiện có **5.276** người làm việc tại các Sở Tư pháp, trong đó tổng số công chức, viên chức là 4.305 người (*giảm 68 người, tương đương giảm 1,6%*); **2.848** người làm việc tại các Phòng Tư pháp (*giảm 15 người, tương đương giảm 0,53%*), đạt bình quân 4,0 người/một Phòng Tư pháp; **18.091**

³⁰ Riêng tại Bộ Tư pháp đã thực hiện quy trình và trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm lại 02 Thứ trưởng; xin chủ trương và thực hiện quy trình bổ sung 02 Thứ trưởng; thực hiện quy trình điều động, bổ nhiệm, giao quyền, giao phụ trách đối với 14 đồng chí lãnh đạo cấp vụ; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với 18 đồng chí lãnh đạo cấp vụ; luân chuyển 02 công chức lãnh đạo cấp vụ; kiện toàn, bổ sung lãnh đạo cấp phòng đối với 30 lượt công chức, viên chức; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ 03 lãnh đạo cấp phòng.

công chức Tư pháp - Hộ tịch (*giảm 136 người, tương đương giảm 0,75%*), trong đó có **69%** xã, phường, thị trấn bố trí từ 02 cán bộ trở lên.

Đối với tổ chức, cán bộ làm công tác pháp chế: Trong khi các cơ quan Trung ương tiếp tục ổn định và phát triển về tổ chức, đội ngũ cán bộ pháp chế thì các địa phương lại giảm khá nhiều, cụ thể: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có **4.173** người người làm công tác pháp chế, trong đó có **1.617** người chuyên trách (*tăng 292 người so với năm 2018*); các địa phương hiện có 80 Phòng Pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (*tiếp tục giải thể 16 Phòng so với năm 2018*), có tổng số **2.242** người làm công tác pháp chế (*giảm 389 người*), trong đó có 466 người được bố trí làm công tác pháp chế chuyên trách (*giảm 147 người*). Ở khối doanh nghiệp nhà nước, có **1.801** người làm công tác pháp chế (*giảm 361 người*), trong đó, có 475 người làm công tác pháp chế chuyên trách.

- *Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:* Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Bộ, ngành Tư pháp tiếp tục được chú trọng. Năm 2019, Bộ Tư pháp đã tổ chức 37 lớp bồi dưỡng cho **4.004** lượt công chức, viên chức nhằm tiếp tục tiêu chuẩn hóa các chức danh, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm cho các chức danh lãnh đạo, quản lý và công chức hành chính, xây dựng đội ngũ công chức chuyên nghiệp theo tinh thần của Luật công chức, Luật viên chức, Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Tư pháp giai đoạn 2011-2020, Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025. Nội dung các lớp đào tạo, bồi dưỡng phong phú, toàn diện, từ chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng nghề nghiệp; kỹ năng lãnh đạo, quản lý cấp Vụ, cấp Phòng; lý luận chính trị; ngoại ngữ và kiến thức quốc phòng, an ninh. Các địa phương cũng đã chủ động tổ chức nhiều lớp tập huấn nghiệp vụ cho công chức, viên chức của Ngành.

- *Công tác đào tạo tại các cơ sở đào tạo thuộc Bộ:* Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ chú trọng rà soát, biên soạn chương trình/giáo trình đào tạo; hoàn thiện quy chế bồi dưỡng công chức, viên chức (Học viện Tư pháp); xây dựng Nghị quyết chuyên đề (Trường Đại học Luật Hà Nội). Đặc biệt, các cơ sở đào tạo tiếp tục tập trung nguồn lực triển khai các Đề án quan trọng (*Đề án tổng thể "Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật"; Đề án "Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp"; Đề án "Phát triển các Trường Trung cấp Luật"*). Bộ Tư pháp và Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức thành công các hoạt động nhân dịp kỷ niệm 40 năm Ngày thành lập Trường, qua đó tiếp tục khẳng định là cơ sở hàng đầu trong đào tạo cán bộ pháp luật.

Năm 2019, Trường Đại học Luật Hà Nội đã tuyển sinh và tổ chức nhập học cho tổng số **4.602** sinh viên, học viên (*2.200 sinh viên chính quy, 780 sinh viên văn bằng 2 chính quy, 1.150 sinh viên hệ vừa học vừa làm, 19 nghiên cứu sinh và 453 học viên cao học*). Học viện Tư pháp tuyển sinh và đào tạo **3.766** học viên, vượt **12%** so với Kế hoạch; đặc biệt, lần đầu tiên Học viện đã tổ chức

thành công kỳ thi tuyển sinh và khai giảng Lớp đào tạo nghề luật sư chất lượng cao, tổ chức được các lớp bồi dưỡng theo nhu cầu xã hội cho **3.717** lượt học viên. Các Trường Trung cấp luật đã tổ chức tuyển sinh tổng số **871** học sinh chính quy, (*Trường Trung cấp luật Thái Nguyên tuyển sinh được 456 chỉ tiêu, Trung cấp luật Đồng Hới tuyển sinh được 146 chỉ tiêu, Trung cấp luật Vị Thanh tuyển sinh được 269 chỉ tiêu*). Các Trường Trung cấp luật cũng tiếp tục mở các lớp liên kết đào tạo hàng ngàn học viên với các cơ sở đào tạo khác; phối hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương để mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho công chức, viên chức.

- *Công tác nghiên cứu khoa học pháp lý*: Công tác nghiên cứu khoa học pháp lý đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Bộ Tư pháp đã tổ chức thành công *Hội thảo Quốc gia về "Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam"* với sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, sự tham gia của Lãnh đạo Quốc hội và lãnh đạo nhiều Bộ, ngành, các chuyên gia, nhà khoa học uy tín. Đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan giúp Ban Cán sự Đảng Chính phủ tổng kết thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; đóng góp tích cực trong việc chuẩn bị dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, nhất là các vấn đề liên quan đến xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bộ đã và đang triển khai tổng số **45** nhiệm vụ khoa học cấp nhà nước, cấp Bộ và nhiều nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở khác; qua đó, góp phần cung cấp những định hướng chính sách lớn, then chốt, các luận cứ giá trị trong xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp; gắn với việc giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong bối cảnh hiện nay.

Các cơ sở đào tạo của Bộ chú trọng thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, tạo sự gắn kết giữa nghiên cứu và đào tạo (*Trường Đại học Luật Hà Nội thực hiện 02 đề tài cấp nhà nước, 02 đề tài cấp Bộ và 49 nhiệm vụ khoa học cấp trường; Học viện Tư pháp thực hiện 01 nhiệm vụ khoa học cấp Bộ và 45 nhiệm vụ khoa học cấp học viện; Trường Trung cấp Luật Thái Nguyên thực hiện 05 nhiệm vụ khoa học cấp trường; Trường Trung cấp Luật Đồng Hới thực hiện 02 nhiệm vụ khoa học cấp trường...*).

8.2. Khó khăn, hạn chế

- Trong bối cảnh khối lượng công việc và yêu cầu về chất lượng, tiến độ ngày càng tăng, việc sắp xếp, tinh giản biên chế cán bộ tư pháp và việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp địa phương tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Đội ngũ làm công tác tư pháp, pháp chế, đặc biệt là cán bộ pháp chế chuyên trách ở địa phương giảm mạnh. Công chức Tư pháp - Hộ tịch tư pháp cấp xã thường xuyên biến động đã ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công tác tư pháp ở cơ sở.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng đổi mới nhưng chưa có nhiều đột phá, còn chông chéo về nội dung, chương trình; mặt khác vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

chuyên ngành, bồi dưỡng kỹ năng làm việc, bồi dưỡng ngoại ngữ trong xu thế hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Hoạt động của các trường trung cấp luật tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nhất là trong tuyển sinh đào tạo học sinh trung cấp hệ chính quy.

- Chưa xây dựng được đội ngũ các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực pháp luật, nhà khoa học trẻ tài năng trong công tác nghiên cứu khoa học; chưa có cơ chế huy động sự tham gia của xã hội, các nhà nghiên cứu giàu kinh nghiệm vào hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý; công tác nghiên cứu khoa học chưa đi trước một bước trong xử lý công việc. Bên cạnh một số công trình khoa học có chất lượng cao, vẫn còn một số công trình chưa sát với yêu cầu thực tiễn, chưa đóng góp nhiều về cơ sở lý luận, thực tiễn để giải quyết những nhiệm vụ lớn của Bộ, Ngành.

9. Công tác quản lý ngân sách - tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch, thống kê

9.1. Kết quả

Thế chế cho công tác kế hoạch, thống kê, quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng của Bộ, ngành Tư pháp có bước hoàn thiện quan trọng. Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp; Thông tư số 04/2019/TT-BTP ngày 15/6/2019 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành trong lĩnh vực quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng; Quyết định số 678/QĐ-BTP ngày 26/3/2019 ban hành Quy chế xây dựng kế hoạch của Bộ...

- Công tác quản lý ngân sách, tài sản được thực hiện đúng quy định, bám sát yêu cầu của Nghị quyết số 01/2019/NQ-CP. Trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản, Bộ và Hệ thống THADS đang tập trung lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; tiếp tục thực hiện 35 dự án, trong đó có 12 dự án chuyên tiếp và 23 dự án khởi công trong 02 năm 2018-2019.

- Trong công tác kế hoạch, Bộ, các Sở Tư pháp đã tham gia tích cực vào việc xây dựng Nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2020 của Quốc hội, Chính phủ và các địa phương.

- Trong công tác thống kê, Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương đang từng bước đơn giản hóa quy trình và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, bảo đảm tốt hơn tiến độ và sự chính xác trong hoạt động này. Bộ đã triển khai chính thức phần mềm báo cáo thống kê và thí điểm phần mềm này tại 06 địa phương (Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Long An, Thái Bình và Tuyên Quang) ở cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã).

9.2. Khó khăn, hạn chế

Việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2019-2021 cho các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ còn chậm so với kế hoạch; việc cấp kinh phí bổ sung cho một số nhiệm vụ phát sinh (như: kinh phí tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW, Nghị

quyết số 49-NQ/TW; Chỉ thị số 32-CT/TW; Chỉ thị số 39-CT/TW...) còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ. Tiến độ triển khai một số dự án và công tác giải ngân, thanh toán vốn chưa đạt yêu cầu đề ra. Tính chính xác của số liệu báo cáo thống kê tuy đã có nhiều cải thiện nhưng vẫn còn có thiếu sót, còn phổ biến tình trạng phải đính chính số liệu.

10. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

10.1. Kết quả

Trong bối cảnh đẩy mạnh xã hội hóa một số lĩnh vực công tác tư pháp và tình hình phát sinh nhiều vấn đề phức tạp, Bộ Tư pháp và các địa phương đã chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, nhất là công tác thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hộ tịch, chứng thực, qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý những vi phạm.

Bộ Tư pháp đã tiến hành **59** cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất để giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm tra sau thanh tra³¹. Đã ban hành **66** Quyết định xử phạt VPHC với tổng số tiền là **458** triệu đồng và tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên có thời hạn đối với 02 công chứng viên; 04 Quyết định thu hồi tiền với tổng số tiền là 345.426.000 đồng.

Thanh tra các Sở Tư pháp đã tiến hành **502** cuộc thanh tra, kiểm tra đối với **902** tổ chức, qua đó đã ban hành **191** Quyết định xử phạt VPHC với tổng số tiền là **1.189.200.000** đồng. Nhiều Sở Tư pháp đã tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (như: Vĩnh Phúc đã ban hành 18 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 116.000.000 đồng, Hà Nội đã ban hành 17 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 115.000.000 đồng, Bắc Giang đã ban hành 12 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 97.500.000 đồng, Đà Nẵng đã ban hành 15 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 75.200.000 đồng, Thanh Hóa đã ban hành 11 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 73.000.000 đồng, Đồng Nai đã ban hành 09 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 49.000.000 đồng).

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được Bộ và các Sở Tư pháp thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại Bộ Tư pháp, Lãnh đạo Bộ và các đơn vị đã tiếp **434** lượt công dân (tăng 128 lượt so với năm 2018); tiếp nhận, xử lý là 965 đơn thuộc thẩm quyền, xem xét giải quyết, xử lý của Bộ Tư pháp (880 đơn khiếu nại, 85 đơn tố cáo), giảm 18 đơn so với năm 2018. Trong số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, có trên 80% đơn liên quan đến lĩnh vực THADS. Nội dung đơn khiếu nại, tố cáo chủ yếu liên quan đến việc kê biên tài sản thi hành án, thời hiệu thi hành án; đình chỉ, tạm đình chỉ thi hành án; quyết định cưỡng chế thi hành án; việc bảo quản tài sản kê biên;

³¹ Gồm 08 cuộc thanh tra hành chính, 19 cuộc thanh tra chuyên ngành, 01 cuộc thanh tra chuyên đề, 19 cuộc thanh tra đột xuất để giải quyết khiếu nại, tố cáo, 06 tổ xác minh nội dung khiếu nại, tố cáo, 06 cuộc kiểm tra sau thanh tra.

kiểu nại, tố cáo vi phạm trong hoạt động hoạt động công chứng, luật sư, đấu giá tài sản. Cùng với đó, Bộ Tư pháp tham gia tích cực các hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (Bộ trưởng Bộ Tư pháp là thành viên của Ban), trực tiếp theo dõi 07 cơ quan, tổ chức, địa phương³².

10.2. Khó khăn, hạn chế

Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra của Ngành vẫn còn khiêm tốn so với yêu cầu, nhiệm vụ và thực tiễn phức tạp, nhiều vi phạm trong hoạt động tư pháp, nhất là trong bối cảnh xã hội hóa mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ tư pháp. Một số vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp còn chưa đảm bảo thời hạn giải quyết theo quy định. Việc thực hiện kết luận của Lãnh đạo Bộ tại các buổi tiếp công dân của Lãnh đạo Bộ còn chưa kịp thời, triệt để.

11. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin; thi đua, khen thưởng

11.1. Kết quả

a) Công tác ứng dụng công nghệ thông tin

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ, ngành Tư pháp tiếp tục được quan tâm, chú trọng. Bên cạnh việc đẩy mạnh triển khai, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng nghiệp vụ trong các lĩnh vực hộ tịch; lý lịch tư pháp; đăng ký giao dịch bảo đảm, THADS và các lĩnh vực chuyên môn khác; việc sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số đã được triển khai quyết liệt, giúp tiết kiệm đáng kể thời gian, chi phí. Bộ Tư pháp đã tập huấn, triển khai Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Bộ Tư pháp cho 100% đơn vị thuộc Bộ và các Cục THADS; kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia. Các Sở Tư pháp tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp (*như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh; Lào Cai và nhiều tỉnh/thành phố khác*).

Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật ngày càng phát huy hiệu quả, trở thành một kênh thông tin pháp luật tin cậy, thuận lợi cho cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp tìm hiểu, tra cứu, khai thác hệ thống pháp luật của Việt Nam; bình quân số lượng truy cập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật là 30.000 lượt/ngày. Năm 2019, các Bộ, ngành, địa phương đã cập nhật được **5.063** văn bản³³, nâng tổng số lượng văn bản đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu là 105.502 văn bản.

b) Công tác thi đua, khen thưởng

Công tác thi đua, khen thưởng trong Ngành tiếp tục có nhiều đổi mới theo hướng tăng cường minh bạch, công khai, hiệu quả, thiết thực. Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành sớm các Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua, xếp hạng, tạo thuận lợi cho các Sở Tư pháp, Cục THADS trong triển khai công tác thi đua, khen thưởng gắn với công việc chuyên môn ngay từ những tháng, quý đầu năm; ban hành

³² Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, các Tỉnh ủy: Lâm Đồng, Trà Vinh, Cà Mau.

³³ Trong đó, địa phương cập nhật được **4.275** văn bản; Bộ, ngành cập nhật được **788** văn bản.

Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua đối với các đơn vị thuộc Bộ năm 2019. Toàn Ngành đã tổ chức phát động và tích cực hưởng ứng nhiều phong trào thi đua, nổi bật là: (i) “Ngành Tư pháp thi đua siết chặt kỷ cương, tăng cường đoàn kết, hành động, sáng tạo, bút phá, hiệu quả thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao năm 2019”; (ii) “Cơ quan tư pháp địa phương thi đua siết chặt kỷ cương, tăng cường đoàn kết, hành động, sáng tạo, bút phá, hiệu quả thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao năm 2019”; (iii) “Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành Tư pháp thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019-2025. Đã tổ chức tổng kết phong trào thi đua “Ngành Tư pháp chung sức góp phần xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2012-2020 gắn với tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới; tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng ngành Tư pháp giai đoạn 2016 – 2018” trong toàn Ngành.

Công tác khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định; đã kịp thời động viên, khích lệ các tập thể, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Trong năm, Bộ đã rà soát, thẩm định gần **3.300** hồ sơ đề nghị khen thưởng đề động viên, khích lệ các tập thể, cá nhân có thành tích, kết quả công tác cao; Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho nhiều tập thể và cá nhân trong Ngành³⁴.

11.2. Khó khăn, hạn chế

- Mặc dù chủ trương, định hướng và kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ, ngành Tư pháp là rõ yêu cầu cụ thể nhưng việc tổ chức thực hiện còn thiếu quyết liệt, hiệu quả ở một số địa phương, đơn vị thuộc Bộ.

- Bên cạnh hiệu quả mang lại của nhiều phần mềm, hệ thống thông tin hỗ trợ công tác chuyên môn của Bộ, Ngành, một số phần mềm chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả, một số dịch vụ công trực tuyến đã đáp ứng mức độ 3 nhưng phát sinh hồ sơ ít hoặc không phát sinh hồ sơ do đề xuất ứng dụng công nghệ thông tin chưa sát với nhu cầu của người sử dụng. Một số địa phương, đơn vị còn giữ thói quen sử dụng văn bản giấy, chưa khai thác tối đa lợi ích của văn bản điện tử, chữ ký số.

- Việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua, phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, nhân điển hình tiên tiến có nơi, có lúc chưa thường xuyên, rõ nét. Mốc thời gian đối với một số tiêu chí thi đua, xếp hạng các Sở Tư pháp còn chông chéo với chế độ báo cáo trong một số lĩnh vực, gây khó khăn khi triển khai thực hiện; việc triển khai Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua các đơn vị thuộc Bộ trong năm đầu tiên còn nhiều lúng túng.

³⁴ Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng nhất cho 01 tập thể, Huân chương Lao động hạng nhì cho 02 cá nhân, Huân chương Lao động hạng ba cho 19 cá nhân. Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho 05 tập thể, 13 cá nhân, tặng Cờ thi đua của Chính phủ cho 06 tập thể, công nhận Chiến sĩ thi đua toàn quốc cho 03 cá nhân. Bộ trưởng Bộ tư pháp đã tặng Bằng khen cho 310 tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích xuất sắc theo chuyên đề trong các lĩnh vực công tác; Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp Tư pháp” 1.087 cá nhân.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Bộ, ngành Tư pháp đã chủ động, khẩn trương xác định các nhiệm vụ công tác trọng tâm và xây dựng, ban hành sớm Chương trình hành động, kế hoạch của Bộ, Ngành thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ để triển khai toàn diện các lĩnh vực công tác. Công tác chỉ đạo điều hành của toàn Ngành được thực hiện quyết liệt, thống nhất, bám sát các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và nhiệm vụ chính trị của từng địa phương. Đã hoàn thành và bảo đảm chất lượng, tiến độ các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch đã đề ra từ đầu năm và nhiều nhiệm vụ đột xuất, phát sinh trong năm. Việc tổ chức tổng kết, đánh giá thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Chỉ thị của Ban Bí thư (*Nghị quyết số 48-NQ/TW, Nghị quyết số 49-NQ/TW, Chỉ thị số 32-CT/TW, Chỉ thị số 33-CT/TW, Chỉ thị số 39-CT/TW*), sơ kết thi hành Hiến pháp năm 2013 được thực hiện khẩn trương, đồng bộ. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngành được đẩy mạnh, Chỉ số xếp hạng về cải cách hành chính của Bộ tiếp tục được cải thiện, Chỉ số chi phí tuân thủ pháp luật vượt chỉ tiêu do Chính phủ giao. Chất lượng hồ sơ các đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo VBQPPL tiếp tục được cải thiện; công tác thẩm định VBQPPL ngày càng đi vào chiều sâu; công tác THADS đạt kết quả cao nhất từ trước đến nay; xuất hiện nhiều mô hình hay, hiệu quả, nhất là ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, trong công tác PBGDPL; giải quyết được số lượng lớn yêu cầu của người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, nhất là trong cấp phiếu LLTP, chứng thực, công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và đào tạo học sinh, sinh viên, học viên tại các cơ sở đào tạo của Bộ tiếp tục đạt nhiều kết quả cao; tổ chức thành công Hội thảo Quốc gia về "Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và những vấn đề pháp lý đặt ra cho việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam"; bảo vệ thành công Báo cáo Quốc gia thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị; các lĩnh vực công việc khác cũng được triển khai hiệu quả, bám sát chương trình, kế hoạch đã đề ra. Những kết quả đó tiếp tục đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng địa phương.

2. Bên cạnh các kết quả nêu trên, công tác tư pháp, pháp chế vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, như: Việc bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật tiếp tục là thách thức lớn; việc gửi hồ sơ các dự án luật đến Chính phủ, Quốc hội còn chậm so với yêu cầu; tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết chưa được khắc phục triệt để (*còn nợ 10 văn bản*); hiệu quả công tác PBGDPL chưa cao. Trong THADS, theo dõi THAHC, còn có một số vi phạm của Chấp hành viên, công chức thi hành án trong thực hiện trình tự, thủ tục thi hành án; vẫn còn nhiều cơ quan, cá nhân chưa chấp hành nghiêm các bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực về vụ việc hành chính (*còn 339 vụ việc chưa thi hành xong*). Việc giải quyết thủ tục hành chính trong công tác hộ tịch, chứng thực, công chứng vẫn còn có sai sót, tiêu cực; còn xảy ra tình trạng chậm trễ trong cấp phiếu LLTP cho người dân. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp

ở địa phương vẫn chưa thống nhất; hoạt động của các trường trung cấp luật tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

**** Về khách quan:***

- Bên cạnh khối lượng công việc thường xuyên đã rất lớn, năm 2019 phát sinh nhiều công việc đột xuất, với yêu cầu cao về chất lượng, tiến độ (như các nhiệm vụ về tổng kết thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng; sơ kết thi hành Hiến pháp năm 2013; các nhiệm vụ mới về cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật theo yêu cầu của Chính phủ...); nhu cầu của người dân, doanh nghiệp trong các lĩnh vực hành chính tư pháp (nhất là chứng thực, lý lịch tư pháp) cũng tăng cao; trong khi đội ngũ công chức, viên chức toàn Ngành lại đang tiếp tục giảm về số lượng, thiếu tính ổn định, nhất là đội ngũ công chức Tư pháp – hộ tịch cấp xã.

- Thể chế pháp luật một số lĩnh vực có vướng mắc đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện; một số văn bản chưa ban hành kịp thời để tạo cơ sở thống nhất, tháo gỡ vướng mắc trong triển khai thực hiện, như: sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Lý lịch tư pháp; Nghị định mới của Chính phủ về hoạt động Thừa phát lại vẫn chưa được ban hành; việc kiện toàn cơ quan tư pháp ở địa phương tiếp tục phải chờ quy định của Nghị định thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ.

- Kinh phí hỗ trợ, điều kiện bảo đảm triển khai công việc trong một số lĩnh vực còn hạn chế, không đồng đều giữa các ngành, các địa phương, nhất là trong công tác xây dựng pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật³⁵; hòa giải ở cơ sở³⁶; tổ chức thi hành pháp luật; ứng dụng công nghệ thông tin.

**** Về chủ quan:***

- Sự quan tâm của lãnh đạo một số Bộ, ngành, địa phương đối với công tác tư pháp, pháp chế chưa tương xứng với vai trò, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp, pháp chế.

- Ý thức trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo và năng lực chuyên môn trong thực hiện công tác tư pháp, pháp chế, THADS của một số công chức, viên chức còn thấp, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả công việc.

- Trong một số lĩnh vực, công việc, sự hợp giữa Bộ, ngành Tư pháp với các Bộ, Sở, ngành với nhau, giữa Trung ương và địa phương vẫn chưa thường xuyên, chưa chặt chẽ, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là trong công tác theo dõi thi hành pháp luật; lý lịch tư pháp, quản lý nuôi con nuôi, luật sư, công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm, THADS, theo dõi thi hành án hành chính.

³⁵ Một số địa phương bố trí kinh phí thường xuyên cho công tác PBGDPL rất thấp, như: Yên Bái (196 triệu đồng), Bình Phước (205 triệu đồng), Nam Định (446 triệu đồng), trong khi các địa phương khác đều bố trí nhiều tỷ đồng cho công tác này.

³⁶ Một số địa phương có tổng kinh phí hỗ trợ cho các Tổ hòa giải, Hòa giải viên rất thấp, như: Hải Phòng (18,5 triệu đồng); Bắc Ninh (20,6 triệu đồng); Phú Thọ (gần 33 triệu đồng); Thái Nguyên (hơn 33 triệu đồng); Thanh Hóa (hơn 55 triệu đồng); Bình Phước (56,4 triệu đồng), trong khi hầu hết các địa phương khác đã quan tâm, bố trí hàng trăm triệu, hàng tỷ đồng cho công tác này.

Phần thứ hai:
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2020

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, 75 năm thành lập Nước, 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 và cũng là năm kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống ngành Tư pháp. Các nghị quyết của Đảng; Nghị quyết số 85/2019/QH14 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Nghị quyết số 96/2019/QH14 của Quốc hội về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án; các Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ giao nhiều nhiệm vụ trực tiếp cho Bộ, ngành Tư pháp. Trong bối cảnh đó, toàn Ngành xác định phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp công tác như sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phương hướng

1.1. Bám sát các chủ trương của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp, nhất là kết luận, chỉ đạo liên quan đến kết quả tổng kết thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW, Nghị quyết số 49-NQ/TW, Chỉ thị số 32-CT/TW, Chỉ thị số 33-CT/TW, Chỉ thị số 39-CT/TW để thể chế hóa kịp thời, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả.

1.2. Tập trung rà soát, xác định những quy định pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp, cản trở sự phát triển của đất nước để sửa đổi hoặc đề xuất sửa đổi kịp thời; chủ động nắm bắt, kịp thời phản ứng chính sách đối với những vấn đề pháp lý đặt ra từ thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng pháp luật, gắn với tổ chức thi hành đúng và nghiêm pháp luật; đề cao ý thức chấp hành pháp luật và thượng tôn pháp luật.

1.3. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp và pháp chế; giúp Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hội nhập quốc tế, đàm phán, ký kết, thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, hợp đồng quốc tế, nhất là các tranh chấp quốc tế liên quan tới cơ quan nhà nước Việt Nam, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của Nhân dân.

1.4. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy cơ quan tư pháp các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng và năng lực đội ngũ công chức, viên chức tư pháp đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới của đất nước, địa phương; nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Một số nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Tham mưu giúp Chính phủ, chính quyền địa phương hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm thực hiện chủ trương của Đảng về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong giai đoạn mới. Tiếp tục xây dựng, nghiên cứu xây dựng: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp. Phối hợp chỉnh lý, hoàn thiện và triển khai thi hành hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành VBQPPL, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp sau khi được Quốc hội thông qua.

2.2. Nâng cao chất lượng thẩm định, góp ý các đề nghị xây dựng, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Theo dõi, đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, bảo đảm có hiệu lực cùng thời điểm với luật.

Chú trọng công tác kiểm tra, xử lý văn bản theo thẩm quyền, nhất là những văn bản có tác động lớn đến người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh xử lý văn bản đã được phát hiện, kết luận không phù hợp với quy định. Tập trung cao cho việc rà soát VBQPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các Bộ, ngành; xác định rõ những văn bản, quy định không còn phù hợp để xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý, nhất là các văn bản, quy định về môi trường đầu tư, kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2.3. Rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật liên quan đến THADS, thi hành án hành chính; nâng tỷ lệ THADS xong trên tổng số án có điều kiện thi hành năm sau cao hơn năm trước; tập trung giải quyết các vụ việc trọng điểm, các vụ việc phức tạp, kéo dài, các vụ việc liên quan đến tín dụng, ngân hàng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng trong kê biên, phong tỏa tài khoản, truy tìm tài sản bảo đảm cho công tác thi hành án, nhất là trong các vụ việc kinh tế, tham nhũng. Triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành đối với 100% bản án hành chính có hiệu lực pháp luật.

2.4. Tăng cường quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước và hỗ trợ tư pháp. Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Luật Lý lịch tư pháp. Tổ chức thành công Đại hội đại biểu Luật sư toàn quốc lần thứ III. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch; xây dựng, vận hành hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc; xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2.5. Triển khai thực hiện tốt chỉ đạo của Ban Bí thư đối với kết quả tổng kết Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 – 2021” và Đề án “Nâng

cao năng lực đội ngũ hòa giải viên giai đoạn 2018 - 2022”.

2.6. Tham mưu giúp Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế; chú trọng phòng ngừa các tranh chấp quốc tế; nâng cao năng lực cán bộ pháp chế, tư pháp trong tham gia giải quyết các vướng mắc, khiếu nại, khiếu kiện có yếu tố nước ngoài liên quan tới cơ quan nhà nước Việt Nam. Hoàn thiện hồ sơ gia nhập Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại và chuẩn bị điều kiện sẵn sàng cho việc thực thi Công ước sau khi gia nhập. Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế phục vụ thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của Bộ, Ngành.

2.7. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng. Tập trung ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ, nhất là việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử. Hoàn thành việc xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Tư pháp Phiên bản 2.0. Xây dựng, nâng cấp, triển khai và duy trì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng; ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, Ngành. Tiếp tục thực hiện dịch vụ công mức độ 4 trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm và nghiên cứu mở rộng ra các lĩnh vực khác có nhu cầu cao của người dân, doanh nghiệp.

2.8. Nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ các cơ quan tư pháp các cấp trong tham mưu giải quyết các vấn đề pháp chế và tư pháp; triển khai thực hiện tốt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tư pháp đến năm 2021, định hướng đến năm 2030. Thực hiện hiệu quả việc luân chuyển cán bộ giữa các đơn vị thuộc Bộ.

2.9. Rà soát, đánh giá lại công tác đào tạo luật các cấp và đào tạo các chức danh tư pháp tại các cơ sở đào tạo của ngành Tư pháp; đề xuất giải pháp để tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật” và Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh Tư pháp”. Tổ chức Hội thảo khoa học cấp Quốc gia về tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRONG CÁC LĨNH VỰC

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa, hợp nhất VBQPPL và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

- Tổ chức thực hiện tốt chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước đối với kết quả tổng kết thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW, sơ kết thực hiện Hiến pháp 2013. Triển khai có hiệu quả Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, trong đó có việc phối hợp với Ủy ban pháp luật của Quốc hội và các cơ quan có liên quan trong quá trình nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình Quốc hội xem xét, thông qua. Lập đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020.

- Các Bộ, ngành chú trọng xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, phấn đấu giảm số văn bản “nợ đọng” dưới 05 văn bản. Xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Chú trọng công tác thẩm định VBQPPL; nhất là tính dự báo của chính sách, bảo đảm tính khả thi để pháp luật thực sự đi vào cuộc sống.

- Các Bộ, ngành, địa phương kịp thời tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền VBQPPL; phát hiện và xử lý ngay những quy định trái pháp luật. Trên cơ sở kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2014-2018, khẩn trương thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan/người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, khả thi của hệ thống pháp luật.

- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch, thành lập Tổ Công tác đặc biệt chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương rà soát, xác định cụ thể những văn bản, quy định không còn phù hợp để xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo các lĩnh vực, nhất là các văn bản, quy định về môi trường đầu tư, kinh doanh. Bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng việc pháp điển các đề mục của Bộ pháp điển; chú trọng tuyên truyền để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng kết quả pháp điển.

2. Công tác thi hành án dân sự

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện thể chế pháp luật về THADS, THAHC; tổ chức tổng kết 05 năm thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật THADS.

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc trong toàn Hệ thống THADS các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến công tác THADS, THAHC. Tổ chức triển khai hiệu quả, nghiêm túc Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính.

- Bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ THADS, theo dõi THAHC được giao theo Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án; chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao theo Chương trình công tác trọng tâm của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực THADS, theo dõi thi THAHC năm 2020.

- Cơ bản khắc phục tình trạng vi phạm pháp luật trong hoạt động THADS, nhất là các vi phạm trong kê biên, thẩm định giá, đấu giá tài sản thi hành án; giảm đến mức thấp nhất các vụ việc liên quan đến trách nhiệm bồi thường nhà nước, bảo đảm tài chính và các vụ việc đấu giá thành nhưng chưa giao được tài sản. Đặc biệt chú trọng việc thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế.

- Tiếp tục thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy, tập trung nghiên cứu sắp xếp tổ chức các cơ quan trong Hệ thống THADS bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; xây dựng đội ngũ công chức làm công tác THADS đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương trong tổ chức thi hành án, nhất là trong tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương; trong việc giải quyết các vụ việc trọng điểm, tham nhũng, kinh tế, phức tạp, kéo dài và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các cơ quan THADS. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Quy chế phối hợp liên ngành; rà soát, đề xuất văn bản phối hợp với một số Bộ, ngành liên quan để nâng cao hiệu quả công tác THADS.

3. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước

- Tổ chức triển khai hiệu quả Nghị định của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến và Thông tư Thay thế Thông tư số 15/2015/TT-BTP sau khi được ban hành, Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017 - 2024; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hiệu quả cho hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Thực hiện tốt Nghị định (mới) thay thế Nghị định số 78 về quốc tịch, các Đề án, Kế hoạch trong lĩnh vực quốc tịch theo đúng tiến độ, bảo đảm hiệu quả; nghiên cứu xây dựng Chiến lược giải quyết vấn đề quốc tịch của người không quốc tịch ở Việt Nam giai đoạn 2019-2024.

- Tổ chức triển khai hiệu quả Thông tư thay thế Thông tư số 20/2015/TT-BTP sau khi được ban hành. Tăng cường hoạt động tập huấn nghiệp vụ, kiểm tra, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác chứng thực; đồng thời tiếp tục nghiên cứu, tổng hợp những vướng mắc, đề xuất hoàn thiện pháp luật về chứng thực; chấn chỉnh, khắc phục sai sót trong công tác chứng thực.

- Chuẩn bị Kế hoạch, điều kiện tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Luật nuôi con nuôi; tăng cường tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi. Tiếp tục chú trọng công tác nuôi con nuôi trong nước; nghiên cứu, xây dựng Đề án của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hỗ trợ công tác nuôi con nuôi trong nước.

- Tổng kết 10 năm thi hành Luật Lý lịch tư pháp; nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật. Tăng cường tuyên truyền để từng bước hạn chế tình trạng lạm dụng cấp phiếu LLTP số 2. Tiếp tục triển khai giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP, tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP nhằm giải quyết triệt để tình trạng chậm thời hạn cấp

Phiếu, nhất là triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại Trung tâm LLTP quốc gia và một số Sở Tư pháp.

- Nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; Thông tư hướng dẫn đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản là chứng khoán. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc giải quyết đơn yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm; phân đấu thu hút, tăng tỷ lệ tổ chức, cá nhân sử dụng phương thức đăng ký trực tuyến trên 75%, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân.

- Tiếp tục tổ chức thi hành có hiệu quả Luật TNBTCNN năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; phối hợp với TANDTC xây dựng văn bản hướng dẫn giải quyết bồi thường trong quá trình tố tụng hình sự, tố tụng hành chính tại Tòa án. Tăng cường phối hợp với Tòa án, Viện kiểm sát, các Bộ, ngành trong thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường, trong đó chú trọng phối hợp giải quyết các vụ việc tồn đọng, kéo dài, các vụ việc đã thụ lý trong năm 2019.

4. Công tác hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Phối hợp với các cơ quan của Quốc hội và các Bộ, ngành liên quan chính lý, hoàn thiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp để trình Quốc hội thông qua; xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, nhất là Thông tư của các Bộ, ngành hướng dẫn về quy trình, nghiệp vụ giám định trong các lĩnh vực. Tổ chức tổng kết 5 năm thi hành Luật công chứng 2014, chuẩn bị các điều kiện, đề xuất sửa đổi Luật trong điều kiện bỏ quy hoạch công chứng.

- Tăng cường quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp như công chứng, bán đấu giá tài sản, giám định tư pháp, thừa phát lại, quản lý, thanh lý tài sản; chú trọng xây dựng các Phòng công chứng, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thành các đơn vị sự nghiệp tự chủ làm đầu tàu về chuyên môn, nghiệp vụ. Kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh cho các địa phương, nhất là trong lĩnh vực công chứng, đấu giá, thừa phát lại. Phối hợp với Liên đoàn luật sư Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ ba.

- Tiếp tục tổ chức thi hành hiệu quả Luật trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn; Đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015 - 2025. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban dân tộc nghiên cứu xây dựng chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025. Tăng cường truyền thông, quản lý nhà nước đối với công tác trợ giúp pháp lý tại các địa phương. Nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý và năng lực cho đội ngũ thực hiện trợ giúp pháp lý để góp phần bảo đảm an sinh xã hội; phối hợp chặt chẽ và tốt hơn nữa với các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức có liên quan trong việc nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp pháp lý, nhất là công tác phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

5. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở; báo chí, xuất bản

- Tham mưu cho Ban cán sự Đảng Chính phủ trình Ban Bí thư ban hành và tổ chức triển khai hiệu quả văn bản thay thế Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, đề án về PBGDPL, bảo đảm thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, bám sát mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ của từng chương trình, đề án.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021 và Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên giai đoạn 2018 - 2022”. Đẩy nhanh việc triển khai Đề án Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 - 2021. Xây dựng, vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung các luật, pháp lệnh mới được ban hành; chú trọng công tác PBGDPL trong nhà trường.

- Không ngừng cải tiến về nội dung và hình thức của các ấn phẩm báo chí, xuất bản, chủ động mở thêm các chuyên mục, chuyên trang điện tử; bám sát các sự kiện chính trị - pháp lý của đất nước, các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, Ngành, nhất là kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống ngành Tư pháp; phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của bạn đọc. Chủ động cung cấp thông tin cho báo chí; nắm bắt thông tin qua phản ánh của các cá nhân, tổ chức và thông tin phản ánh từ báo chí để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

6. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, trong đó tập trung vào dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và đề xuất chính sách phục vụ xây dựng Luật về tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung nguồn lực xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, phân đầu đưa vào khai thác kể từ năm 2021.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018 - 2022”. Tăng cường công tác theo dõi thi hành pháp luật, tập trung vào lĩnh vực trọng tâm liên ngành về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường và các lĩnh vực thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận, lĩnh vực được xác định là trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội năm 2020. Tổ chức phổ biến, quán triệt, tổ chức triển khai thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; Nghị định kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính sau khi được Chính phủ ban hành

- Tiếp tục thực hiện cắt giảm Chi phí tuân thủ pháp luật, góp phần duy trì và tiếp tục cải thiện điểm số và vị trí xếp thứ hạng của Việt Nam về Chỉ số này.

7. Công tác pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về pháp luật

- Xây dựng đề nghị, dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Hoàn thiện và nộp văn kiện gia nhập Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở

nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, chuẩn bị điều kiện sẵn sàng cho việc thực thi Công ước sau khi gia nhập; đàm phán Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự giữa Việt Nam và Thái Lan; chuẩn bị hồ sơ đàm phán Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự với Lào.

- Nâng cao chất lượng và bảo đảm tiến độ thẩm định các điều ước quốc tế. Xử lý kịp thời các hồ sơ về tương trợ tư pháp; nghiên cứu và áp dụng các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ có kết quả trả lời. Tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đại diện pháp lý cho Chính phủ trong giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế; chú trọng việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phòng ngừa và xử lý các vướng mắc, khiếu nại, khiếu kiện của nhà đầu tư. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quyết định số 1252/QĐ-TTg ngày 26/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước ICCPR và các khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về pháp luật, khắc phục triệt để hạn chế về chia sẻ thông tin, dữ liệu hợp tác phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Bộ, Ngành. Đánh giá kết quả thực hiện Đề án định hướng tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế của Bộ Tư pháp giai đoạn 2017-2020; nghiên cứu, xây dựng Đề án định hướng tăng cường quan hệ hợp tác Bộ Tư pháp giai đoạn 2021 – 2025. Thắt chặt hơn nữa hợp tác song phương với các đối tác đặc biệt (Lào, Campuchia và Cuba); tăng cường hợp tác với các đối tác chiến lược, khai thác hiệu quả các cơ hội để mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác tiềm năng; đẩy mạnh hợp tác đa phương, đặc biệt là hợp tác trong khu vực ASEAN, hợp tác với EU và chủ động hơn trong mối quan hệ với các tổ chức quốc tế đa phương mà Việt Nam là thành viên.

8. Công tác xây dựng Ngành; đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học pháp lý

- Hoàn thiện, ban hành và triển khai thống nhất trong toàn Ngành Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV. Tiếp tục triển khai hiệu quả Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp; Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 16/08/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tư pháp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch của Bộ Tư pháp triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ giữa các đơn vị thuộc Bộ; tinh giản biên chế đối với những người không đáp ứng yêu cầu công tác theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm mục tiêu cắt giảm 10% biên chế trong giai đoạn 2015-2021. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực hiện nhiệm vụ và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình đào tạo; tiếp tục nâng cao chất lượng tuyển sinh, đào tạo tại các cơ sở đào tạo của Bộ. Đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp để tiếp tục triển khai hiệu quả các Đề án: Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật”, Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh Tư pháp”. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án “Phát triển các Trường Trung cấp Luật”; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sớm triển khai việc đào tạo cao đẳng luật.

- Triển khai định hướng xây dựng Viện Khoa học pháp lý thành Viện Nghiên cứu chiến lược của Bộ và ngành Tư pháp về lĩnh vực tư pháp và pháp luật có uy tín ở tầm quốc gia và trong khu vực. Nâng cao chất lượng, giá trị của các công trình nghiên cứu. Huy động đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học giàu kinh nghiệm và đông đảo công chức, viên chức, nhất là cán bộ tư pháp ở địa phương, tham gia vào công tác nghiên cứu khoa học pháp lý. Chuẩn bị tốt nội dung và các điều kiện cần thiết để tổ chức thành công Hội thảo khoa học cấp Quốc gia về tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật.

9. Công tác quản lý ngân sách - tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch, thống kê

- Thực hiện tốt việc quản lý ngân sách - tài sản và đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định, bảo đảm đáp ứng tốt việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các số dự án và công tác giải ngân, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Xây dựng phương án và kiên quyết điều chuyển kế hoạch vốn đối với các dự án chậm tiến độ. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, đồng thời lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Nâng cao chất lượng hoạt động thống kê, bảo đảm tính chính xác của số liệu. Triển khai chính thức phần mềm thống kê Ngành Tư pháp theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP đến các cơ quan, đơn vị trong Ngành.

10. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

- Tổ chức triển khai hiệu quả Nghị định thay thế Nghị định số 110/2013/NĐ-CP và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Chú trọng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, nhất là công tác thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp.

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân gửi tới Bộ Tư pháp, các Sở Tư pháp.

11. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin; thi đua, khen thưởng

- Tập trung ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ, nhất là việc thực hiện chữ ký số, gửi/nhận văn bản điện tử. Duy trì hoạt động hiệu quả của Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Cổng thông tin điện tử Tổng cục THADS, Cổng thông tin điện tử pháp điển. Hoàn thành việc xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Tư pháp Phiên bản 2.0. Xây dựng, nâng cấp, triển khai và duy trì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng; ưu tiên tập trung nguồn lực triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, Ngành. Tiếp tục rà soát, triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Chú trọng việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống công nghệ thông tin của Bộ, Ngành.

- Tổ chức có hiệu quả, thiết thực các phong trào thi đua do Bộ, Ngành phát động, nhất là phong trào thi đua đặc biệt hướng tới kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống ngành Tư pháp và Đại hội thi đua yêu nước ngành Tư pháp lần thứ V. Tiếp tục khắc phục tính hình thức trong thực hiện một số phong trào thi đua. Ban hành sớm các tiêu chí thi đua, xếp hạng các Sở Tư pháp, Cục THADS, bảo đảm thống nhất, phù hợp với triển khai công việc chuyên môn của Bộ, Ngành.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2020, Bộ, ngành Tư pháp xác định một số giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện sớm các chương trình, kế hoạch công tác đề cụ thể hóa nhiệm vụ, bảo đảm tính khả thi, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương.

2. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành để thực hiện ngày càng hiệu quả hơn nhiệm vụ được giao.

3. Ứng dụng mạnh mẽ, tận dụng lợi thế của công nghệ thông tin, công nghệ số vào công tác của Bộ, ngành Tư pháp, nhất là trong chế độ thông tin, thống kê, báo cáo, gửi/nhận văn bản điện tử.

4. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp với Bộ, cơ quan và cấp ủy, chính quyền các cấp trong chỉ đạo, điều hành công tác tư pháp, pháp chế, THADS từ Trung ương đến địa phương; kịp thời báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên để tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Bộ, Ngành.

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương công tác; đổi mới lề lối làm việc; phát huy hiệu quả các công cụ quản lý, kiểm tra, thanh tra; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, các vi phạm trong khi giải quyết yêu cầu của người dân. Đồng thời, kịp thời động viên, khích lệ các tập thể, cá nhân nỗ lực đạt kết quả cao trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2020. Bộ, ngành Tư pháp mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các Bộ, ngành và cấp uỷ, chính quyền các cấp để đưa công tác tư pháp tiếp tục phát triển bền vững, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgTTCP Trương Hoà Bình (để báo cáo);
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, STP, Cục THADS các tỉnh, TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Lưu: VT, VP (TH&KSTTHC).

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long